

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**PL 01 - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐÃ THU NỘP HỌC PHÍ THEO KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT**

(Kèm theo thông báo số 3226 /ĐHKT-KHTC ngày 30 / 10 /2019)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1	16050688	Vũ Kim Anh	01/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
2	16050693	Nguyễn Minh Anh	11/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
3	16050698	Đỗ Quỳnh Anh	08/12/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
4	16050701	Nguyễn Văn Anh	06/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
5	16050704	Vương Trung Ân	06/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
6	16050711	Phạm Thị Thảo Chi	06/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
7	16050713	Hoàng Đức Chính	11/28/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
8	16050714	Nguyễn Ngọc Diệp	12/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
9	16050715	Nguyễn Phương Dung	10/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
10	16050718	Vũ Thị Thùy Dương	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
11	16050743	Đào Lương Thủy Hiền	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
12	16050744	Lê Xuân Hiền	04/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
13	16050756	Hoàng Lê Kiên	01/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
14	16050765	Đỗ Thị Linh Linh	02/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
15	16050766	Đinh Phương Linh	07/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
16	16050768	Vũ Thị Phương Linh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
17	16050769	Đỗ Việt Phương Linh	10/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
18	16050777	Hoàng Ngọc Mai	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
19	16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
20	16050782	Bùi Bích Ngọc	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
21	16050788	Bùi Giang Nhi	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
22	16050790	Ông Vũ Quỳnh Như	12/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
23	16050793	Nguyễn Thanh Phong	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
24	16050794	Trịnh Phong	09/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
25	16050808	Nguyễn Đức Tâm	12/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
26	16050826	Nguyễn Minh Trang	06/20/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
27	16050827	Hoàng Thị Quỳnh Trang	10/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
28	16050830	Nguyễn Thiên Trang	07/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
29	16050834	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/09/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
30	16050835	Lương Thị Thanh Tú	06/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
31	16050838	Trần Thắm Tuấn	11/25/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
32	16050840	Hoàng Thị Hồng Uyên	08/11/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
33	16050841	Nguyễn Thị Uyên	09/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
34	16050842	Nguyễn Thu Uyên	08/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
35	16050845	Nguyễn Thị Thúy Vi	06/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
36	16050850	Nguyễn Khánh Vy	01/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
37	16052341	Ngô Mai Anh	11/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
38	16052342	Nguyễn Thị Minh Anh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
39	16052343	Đoàn Việt Bách	07/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
40	16052344	Nguyễn Kim Chi	01/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
41	16052347	Nguyễn Thị Hương Giang	06/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
42	16052349	Nguyễn Thị Thuý Hằng	10/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
43	16052350	Bùi Nguyệt Hoa	01/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
44	16052351	Nguyễn Thu Hồng	07/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
45	16052354	Nguyễn Thị Hương	08/12/1996	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
46	16052355	Nguyễn Thị Hương	12/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
47	16052356	Vũ Duy Khánh	01/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
48	16052357	Phan Khánh Linh	09/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
49	16052359	Nguyễn Vũ Thuỳ Linh	06/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
50	16052361	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
51	16052363	Đào Thị Hồng Nhung	02/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
52	16052365	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
53	16052366	Nguyễn Thu Phương	09/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
54	16052369	Đỗ Minh Trang	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
55	16052370	Lưu Minh Trang	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
56	16052371	Nguyễn Anh Trung	01/31/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
57	16052374	Nguyễn Hoàng Tùng	05/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
58	16052375	Nguyễn Thị Thu Uyên	02/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
59	16052376	Lê Khánh Tường Vân	11/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
60	16051014	Nguyễn Phương Anh	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
61	16051024	Nguyễn Thị Linh Chi	11/12/1997	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
62	16051028	Nguyễn Hữu Dũng	04/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
63	16051033	Dương Thị Hương Giang	07/01/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
64	16051039	Nguyễn Thu Hà	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
65	16051041	Đỗ Anh Hào	03/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
66	16051044	Hoàng Thủy Hằng	05/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
67	16051045	Trịnh Yên Hằng	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
68	16051048	Nguyễn Thu Hiền	11/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
69	16051049	Nguyễn Thục Hiền	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
70	16051052	Lê Trung Hiếu	04/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
71	16051056	Nguyễn Việt Hoàng	09/19/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
72	16051059	Nguyễn Thanh Huyền	09/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
73	16051060	Vũ Thị Thanh Huyền	07/17/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
74	16051061	Hoàng Thị Huyền	04/24/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
75	16051065	Vũ Thị Tú Lệ	08/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
76	16051067	Khúc Cẩm Linh	01/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
77	16051072	Trần Khánh Linh	01/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
78	16051074	Nguyễn Nhật Linh	01/03/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
79	16051080	Cao Hoàng Yên Linh	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
80	16051081	Vũ Thanh Loan	08/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
81	16051085	Nguyễn Thị Ly	07/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
82	16051089	Lê Thị Mai	02/18/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
83	16051093	Đào Phương Minh	11/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
84	16051096	Lưu Hải Nam	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
85	16051099	Phạm Nguyễn Bảo Nghi	09/20/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
86	16051103	Đỗ Đăng Tùng Nhật	08/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
87	16051105	Nguyễn Hồng Nhung	03/09/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
88	16051112	Nguyễn Đăng Bảo Quyền	03/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
89	16051115	Nguyễn Thái Sơn	04/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
90	16051120	Đinh Phương Thảo	04/23/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
91	16051121	Phạm Ngọc Phương Thảo	06/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
92	16051123	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
93	16051124	Vũ Thị Phương Thảo	05/22/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
94	16051125	Nguyễn Thanh Thảo	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
95	16051138	Hoàng Huyền Trang	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
96	16051140	Hoàng Thu Trang	10/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
97	16051141	Nguyễn Thu Trang	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
98	16051145	Nguyễn Cẩm Tú	01/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
99	16051146	Phạm Thị Cẩm Tú	05/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
100	16051147	Nguyễn Thanh Tùng	09/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
101	16051150	Đông Quang Vinh	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
102	16052331	Vũ Trung Anh	08/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
103	16052332	Đình Bảo Duy	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
104	16052334	Nguyễn Thị Huyền	02/12/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
105	16052336	Trần Thu Thảo	04/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
106	16052338	Nguyễn Đức Tùng	05/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
107	17050543	Nguyễn Thị Diễm Anh	01/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
108	17050546	Nguyễn Thị Kim Anh	06/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
109	17050548	Đặng Minh Anh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
110	17050550	Bùi Thị Ngọc Anh	12/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
111	17050553	Phạm Quỳnh Anh	03/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
112	17050555	Hoàng Thu Anh	02/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
113	17050557	Trần Tùng Anh	01/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
114	17050560	Nguyễn Thị Minh Ánh	04/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
115	17050562	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
116	17050564	Nguyễn Xuân Bách	02/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
117	17050566	Nguyễn Minh Châu	04/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
118	17050569	Trần Bích Diệp	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
119	17050571	Vũ Thủy Dung	07/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
120	17050575	Phạm Anh Đức	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
121	17050578	Trịnh Thái Hà	08/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
122	17050581	Trần Lam Hải	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)		-		-	-
123	17050585	Vương Thu Hằng	03/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
124	17050587	Đông Thị Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
125	17050590	Trần Mỹ Hoa	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
126	17050593	Nguyễn Lê Huy Hoàng	11/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
127	17050597	Nguyễn Quang Huy	11/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
128	17050599	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
129	17050601	Vũ Thị Thu Huyền	04/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
130	17050605	Lê Thu Hường	09/30/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
131	17050607	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/25/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
132	17050609	Phùng Thị Lệ	11/08/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
133	17050612	Nguyễn Lương Khánh Linh	09/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
134	17050614	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
135	17050617	Nguyễn Thị Hải Lý	09/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
136	17050620	Nguyễn Tuấn Minh	07/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
137	17050623	Đặng Xuân Nam	08/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
138	17050625	Lê Hoàng Ngân	05/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
139	17050627	Vũ Đức Nghĩa	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
140	17050630	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
141	17050632	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	02/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
142	17050634	Hoàng Đức Ninh	12/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
143	17050637	Vũ Thu Phương	11/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
144	17050639	Đào Diễm Quỳnh	07/07/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
145	17050641	Khuất Thị Thúy Quỳnh	10/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
146	17050642	Nguyễn Thị Tâm	07/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
147	17050643	Đặng Xuân Thanh	12/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
148	17050645	Nguyễn Phương Thảo	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
149	17050647	Nguyễn Thị Thu Trà	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
150	17050653	Đinh Hoàng Trung	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
151	17050659	Bùi Cẩm Vân	01/18/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
152	17050545	Đinh Thị Hoàng Anh	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
153	17050547	Hà Thị Lan Anh	01/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
154	17050549	Nguyễn Minh Anh	12/02/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
155	17050552	Phạm Quỳnh Anh	12/10/1997	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
156	17050554	Bùi Thị Anh	09/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
157	17050558	Lê Thị Vân Anh	07/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
158	17050561	Đỗ Thị Ngọc Ánh	03/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
159	17050563	Vũ Thị Ánh	02/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
160	17050565	Vũ Ngọc Bảo	06/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
161	17050568	Nguyễn Ngọc Linh Chi	12/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
162	17050570	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
163	17050577	Lê Vương Hà	06/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
164	17050580	Nguyễn Thị Việt Hà	08/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
165	17050582	Lê Thị Hồng Hạnh	11/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
166	17050584	Vũ Thị Thu Hằng	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
167	17050586	Lê Thị Thanh Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
168	17050589	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
169	17050591	Vũ Thị Thu Hòa	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
170	17050596	Bùi Mạnh Hùng	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
171	17050598	Phạm Quang Huy	03/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
172	17050600	Chu Thị Huyền	10/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
173	17050602	Trần Mậu Hưng	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
174	17050613	Ngô Phương Linh	09/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
175	17050615	Trần Thuỳ Linh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
176	17050618	Dương Huyền Mai	02/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
177	17050621	Nguyễn Ngọc Hà My	12/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
178	17050624	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	03/31/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
179	17050626	Đặng Thị Ngân	08/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
180	17050629	Đỗ Minh Ngọc	09/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
181	17050633	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
182	17050636	Nguyễn Công Diệu Phương	01/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
183	17050638	Cao Thị Quế	08/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
184	17050640	Vũ Ngọc Quỳnh	04/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
185	17050651	Nguyễn Thị Trang	11/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
186	17050655	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
187	17050658	Vũ Hồng Tươi	12/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
188	17050660	Phạm Mai Anh	07/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
189	17050663	Lê Thị Ngọc Ánh	12/15/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
190	17050664	Nguyễn Linh Chi	07/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
191	17050665	Trần Ngọc Vân Chi	11/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
192	17050667	Nguyễn Trí Dũng	01/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
193	17050668	Trần Hoàng Dương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
194	17050669	Lương Thị Thuỳ Dương	07/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
195	17050670	Đỗ Thái Đông	06/16/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
196	17050672	Lê Hà Giang	09/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
197	17050674	Nguyễn Hải Hiệp	07/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
198	17050675	Nghiêm Trung Hiếu	04/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
199	17050677	Nguyễn Thị Xuân Hòa	08/01/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
200	17050679	Nguyễn Đức Hùng	02/02/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
201	17050681	Nguyễn Thanh Huyền	08/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
202	17050683	Trần Thị Thanh Huyền	03/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
203	17050684	Nguyễn Thu Huyền	10/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
204	17050685	Vũ Quỳnh Hương	09/06/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
205	17050686	Lê Thị Hương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
206	17050688	Nguyễn Tuấn Khải	08/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
207	17050689	Nguyễn Quốc Khánh	08/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
208	17050694	Nguyễn Tất Linh	01/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
209	17050698	Đặng Hương Ly	04/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
210	17050701	Đình Quang Minh	11/23/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
211	17050702	Trần Phùng Hà My	05/14/1998	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
212	17050703	Mai Hải Nam	09/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
213	17050705	Bùi Bích Ngọc	08/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
214	17050714	Phan Diễm Quỳnh	10/09/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
215	17050715	Bùi Ngọc Quỳnh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
216	17050716	Phạm Thuý Quỳnh	06/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
217	17050717	Nguyễn Thị Minh Tâm	02/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
218	17050718	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
219	17050719	Đỗ Phương Thảo	09/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
220	17050720	Nguyễn Thị Thoa	09/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
221	17050722	Phạm Ngọc Thương	07/19/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
222	17050723	Chu Huyền Trang	01/31/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
223	17050724	Đỗ Huyền Trang	09/13/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
224	17050727	Nguyễn Thị Thu Trang	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
225	17050730	Đình Anh Tuấn	05/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
226	17050731	Bùi Sơn Tùng	11/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
227	17050733	Nguyễn Thị Xuyên	08/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
228	17050734	Hà Thị Hải Yến	07/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
229	17050735	Đỗ Quỳnh Anh	07/04/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
230	17050737	Phạm Hoàng Minh Châu	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
231	17050738	Nguyễn Linh Diệp	10/01/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
232	17050739	Nguyễn Khánh Duy	01/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
233	17050740	Đỗ Tiến Đạt	04/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
234	17050741	Nguyễn Thị Hà Giang	01/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
235	17050742	Lê Thu Giang	07/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
236	17050743	Nguyễn Ngọc Hải	04/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
237	17050744	Nguyễn Thanh Hằng	10/07/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
238	17050747	Bùi Huyền Hương	10/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
239	17050749	Nguyễn Khánh Linh	10/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
240	17050750	Đỗ Nguyễn Thảo Linh	09/12/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
241	17050751	Nguyễn Thùy Linh	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
242	17050752	Vương Thị Hương Ly	12/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
243	17050753	Trần Phương Nam	10/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
244	17050755	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
245	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
246	17050757	Nguyễn Hạnh Uyên Phương	01/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
247	17050758	Lê Vũ Minh Quang	11/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
248	17050761	Phạm Huy Thành	03/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
249	17050763	Trương Thị Trang	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
250	17050764	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/16/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
251	17050765	Vũ Kiều Trinh	09/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
252	17050766	Phạm Anh Tuấn	07/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
253	18050990	Bùi Thị Linh Anh	08/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	3,115,000	14,385,000	14,385,000	-
254	18050991	Hà Thị Việt Anh	04/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
255	18050992	Hoàng Minh Anh	07/27/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
256	18050993	Hoàng Ngọc Anh	10/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
257	18050994	Hoàng Văn Anh	07/31/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
258	18050995	Lê Thị Minh Anh	05/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
259	18050998	Nguyễn Thị Lan Anh	12/29/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
260	18050999	Nguyễn Thị Mai Anh	02/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
261	18051000	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/30/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
262	18051003	Phạm Thị Hồng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
263	18051005	Phạm Thị Ngọc Anh	05/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
264	18051021	Trần Thị Phương Dung	06/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
265	18051025	Trần Thị Duyên	11/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
266	18051030	Nguyễn Thị Hương Giang	10/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
267	18051037	Bùi Thu Hằng	11/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
268	18051038	Đới Thị Thúy Hằng	11/03/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
269	18051043	Đỗ Thanh Hiền	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
270	18051047	Lê Thị Hoa	06/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
271	18051050	Lê Thị Minh Hương	07/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
272	18051053	Lê Kim Huyền	10/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
273	18051055	Thái Thị Huyền	11/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
274	18051064	Lê Thị Diệu Linh	03/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
275	18051066	Nguyễn Thị Linh	04/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
276	18051076	Bùi Phương Nga	09/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
277	18051078	Đoàn Thị Thúy Nga	06/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
278	18051080	Lưu Đại Nghĩa	12/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
279	18051085	Đào Anh Như	09/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
280	18051100	Vương Thị Như Quỳnh	04/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
281	18051104	Bùi Mai Phương Thảo	10/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
282	18051108	Dương Thị Thơm	08/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
283	18051111	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
284	18051113	Vũ Thị Thu Thủy	03/23/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
285	18051114	Hà Thủy Tiên	11/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
286	18051118	Đặng Thị Trang	03/09/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
287	18051119	Đoàn Minh Trang	04/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
288	18051124	Phan Thị Thanh Uyên	12/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
289	18051128	Phạm Thanh Xuân	03/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
290	18050996	Lê Việt Anh	04/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
291	18051001	Nguyễn Thị Vân Anh	02/12/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
292	18051002	Phạm Mai Anh	08/31/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
293	18051009	Hồ Ngọc Ánh	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
294	18051010	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
295	18051013	Phạm Thị Khánh Chi	10/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
296	18051015	Trịnh Kim Chi	01/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
297	18051020	Phạm Thùy Dung	02/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
298	18051023	Trần Thùy Dương	03/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
299	18051032	Bùi Thị Thu Hà	08/22/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
300	18051033	Ngô Thị Thu Hà	08/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
301	18051034	Trần Thu Hà	09/30/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
302	18051036	Đàm Thị Ngọc Hân	01/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
303	18051041	Trần Thị Hằng	07/09/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
304	18051049	Nguyễn Thị Hồng	02/15/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
305	18051059	Đỗ Hoàng Lan	12/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
306	18051061	Đặng Thị Nhật Linh	02/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
307	18051067	Phạm Khánh Linh	09/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
308	18051068	Tổng Khánh Linh	10/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
309	18051083	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/06/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
310	18051084	Đinh Thị Nguyệt	03/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
311	18051089	Đỗ Ngọc Phương	08/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
312	18051092	Phạm Thị Kim Phương	03/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
313	18051093	Nguyễn Anh Quân	11/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
314	18051095	Hoàng Thị Thu Quỳnh	09/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
315	18051105	Đỗ Phương Thảo	01/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
316	18051107	Triệu Phương Thảo	01/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
317	18051110	Phạm Thị Anh Thư	09/23/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
318	18051112	Đinh Thị Thu Thủy	11/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
319	18051123	Bùi Thu Uyên	05/27/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
320	18051126	Đinh Tôn Thảo Vy	10/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
321	18051130	Hoàng Thị Dừng	09/10/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
322	18051131	Lương Trung Thành	10/05/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
323	18050997	Nguyễn Phương Anh	05/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
324	18051004	Phạm Thị Mai Anh	06/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
325	18051006	Trần Thị Lan Anh	08/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
326	18051007	Trịnh Hoài Anh	06/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
327	18051008	Trịnh Thị Lan Anh	05/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
328	18051011	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/29/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
329	18051014	Trịnh Kim Chi	12/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
330	18051016	Đặng Linh Đan	08/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
331	18051028	Nguyễn Huệ Giang	05/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
332	18051029	Nguyễn Thị Hoàng Giang	07/02/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
333	18051031	Phùng Thị Thu Giang	10/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
334	18051039	Nguyễn Thị Hằng	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
335	18051040	Nguyễn Thị Hằng	09/27/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
336	18051045	Trần Thị Thu Hiền	04/03/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
337	18051052	Hồ Thị Thanh Huyền	08/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
338	18051060	Trần Thị Phương Liên	05/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
339	18051062	Đào Thùy Linh	01/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
340	18051073	Nguyễn Thị Thúy Mai	09/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
341	18051075	Nguyễn Thảo My	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
342	18051086	Lưu Thị Hồng Oanh	01/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
343	18051087	Bùi Thị Thu Phương	08/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
344	18051094	Phạm Thị Thục Quyên	09/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
345	18051098	Ngô Thúy Quỳnh	10/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
346	18051099	Nguyễn Như Quỳnh	02/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
347	18051101	Trần Đức Tài	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
348	18051102	Đinh Lê Thanh	08/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
349	18051103	Trịnh Việt Thành	12/04/1998	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
350	18051106	Tạ Thị Phương Thảo	11/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
351	18051116	Nguyễn Thành Tiến	12/15/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
352	18051117	Cao Thanh Trà	01/22/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
353	18051120	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/19/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
354	18051122	Lê Nguyễn Thành Tú	02/12/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
355	18051129	Phương Hải Yến	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
356	18050385	Lê Vũ Thị Vân Anh	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
357	18050396	Thân Thị Vân Anh	04/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
358	18050401	Vũ Hải Anh	10/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
359	18050402	Vũ Thị Lan Anh	09/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
360	18050404	Lê Ngọc Ánh	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
361	18050436	Ngô Thùy Dương	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
362	18050443	Nguyễn Thị Thu Hà	12/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
363	18050449	Trương Thị Hằng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
364	18050452	Lê Thị Hạnh	06/23/1998	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
365	18050457	Đình Lê Công Hiếu	02/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
366	18050464	Hoàng Mai Hồng	05/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
367	18050473	Phạm Thị Hương	02/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
368	18050483	Phạm Thị Thanh Huyền	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
369	18050484	Trần Thị Huyền	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
370	18050486	Lê Từ Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
371	18050489	Trương Trần Minh Khôi	03/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
372	18050493	Vương Vũ Ngọc Liên	10/29/2001	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
373	18050494	Dương Thùy Linh	07/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
374	18050510	Dương Thị Thanh Loan	03/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
375	18050514	Nguyễn Minh Long	07/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
376	18050517	Phạm Thị Khánh Ly	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
377	18050531	Nguyễn Hằng Nga	10/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
378	18050532	Nguyễn Thị Ngà	01/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
379	18050534	Lê Tuấn Ngọc	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
380	18050536	Nguyễn Thùy Ngọc	09/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
381	18050550	Nguyễn Đỗ Thu Phương	08/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
382	18050554	Nguyễn Nhật Phương	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
383	18050561	Nguyễn Thiện Quang	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
384	18050564	Nguyễn Hải Quỳnh	05/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
385	18050565	Vũ Thị Quỳnh	06/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
386	18050574	Đỗ Phương Thảo	05/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
387	18050585	Phạm Thương Thảo	08/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	3,115,000	14,385,000	14,385,000	-
388	18050588	Vũ Phương Thảo	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
389	18050601	Trương Thị Trâm	02/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
390	18050602	Đỗ Thị Trang	05/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
391	18050605	Nguyễn Phương Trang	08/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
392	18050616	Nguyễn Công Tú	05/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
393	18050377	Bùi Văn Anh	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
394	18050379	Đỗ Phương Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
395	18050380	Đỗ Tuấn Anh	10/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
396	18050395	Tạ Thị Vân Anh	11/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
397	18050397	Trần Đặng Kiều Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
398	18050407	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
399	18050416	Trương Thị Khánh Chi	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
400	18050420	Phạm Anh Đào	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
401	18050435	Đoàn Bình Dương	02/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
402	18050481	Lê Thị Thu Huyền	02/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
403	18050482	Lưu Thị Huyền	01/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
404	18050487	Nguyễn Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
405	18050492	Vũ Trần Phương Lan	09/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
406	18050507	Trần Thùy Linh	03/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
407	18050508	Trịnh Vũ Vi Linh	10/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
408	18050513	Nguyễn Hoàng Long	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
409	18050516	Nguyễn Thị Phương Ly	08/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
410	18050556	Nguyễn Thị Phương	11/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
411	18050562	Nguyễn Thị Lệ Quyên	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
412	18050563	Dương Ngọc Quỳnh	10/24/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
413	18050568	Thang Thị Tâm	07/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
414	18050575	Hoàng Phương Thảo	12/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
415	18050579	Lê Thị Thảo	07/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
416	18050580	Nguyễn Phương Thảo	03/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
417	18050581	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
418	18050584	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
419	18050593	Lê Thị Thùy	04/15/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
420	18050594	Hoàng Thị Thu Thùy	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
421	18050599	Lữ Huyền Trâm	09/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
422	18050603	Lê Huyền Trang	11/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
423	18050623	Đỗ Thị Thuý Vân	01/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
424	18050625	Nguyễn Thị Vân	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
425	18050629	Vi Hải Việt	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
426	18050633	Chu Thị Thu Xanh	06/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
427	18050636	Nguyễn Thị Hải Yến	06/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
428	18050637	Phan Hải Yến	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
429	18050639	Vũ Hải Yến	08/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
430	18050388	Nguyễn Quỳnh Anh	03/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
431	18050400	Trần Thị Kim Anh	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
432	18050408	Trần Thị Ngọc Ánh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
433	18050423	Bùi Thị Diệu	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
434	18050426	Nghiêm Phan Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
435	18050428	Lê Thùy Dung	09/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
436	18050429	Đỗ Quang Dũng	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
437	18050430	Lê Huy Dũng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
438	18050444	Trần Thị Thu Hà	10/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
439	18050446	Bùi Thị Hằng	03/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
440	18050451	Lâm Thị Thúy Hạnh	08/31/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
441	18050465	Nguyễn Ánh Hồng	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
442	18050466	Phan Thu Huệ	07/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
443	18050467	Đỗ Duy Hùng	09/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
444	18050477	Nguyễn Thị Thu Hường	11/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
445	18050496	Lê Khánh Linh	05/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
446	18050498	Nguyễn Khánh Linh	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
447	18050500	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
448	18050503	Tô Khánh Linh	11/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
449	18050524	Nguyễn Thê Minh	12/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
450	18050526	Vũ Thị Nhật Minh	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
451	18050527	Bùi Trà My	07/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
452	18050537	Lê Bảo Nguyên	06/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
453	18050539	Hoàng Thị Nguyệt	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
454	18050543	Lưu Thị Hồng Nhung	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
455	18050549	Đặng Mai Phương	12/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
456	18050566	Trịnh Anh Sơn	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
457	18050567	Lê Khánh Tâm	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
458	18050582	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
459	18050583	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
460	18050587	Trần Thị Thu Thảo	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
461	18050592	Phạm Thị Thu	03/08/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
462	18050596	Nguyễn Thị Thu Thùy	08/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
463	18050598	Trần Thuý Tiên	03/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
464	18050614	Phạm Thu Trang	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
465	18050381	Hồ Thiên Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
466	18050390	Nguyễn Thị Lâm Anh	01/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
467	18050392	Nguyễn Trần Huệ Anh	06/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
468	18050399	Trần Ngọc Anh	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
469	18050405	Ngô Nhật Ánh	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
470	18050406	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
471	18050412	Trần Quốc Bình	12/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
472	18050413	Vũ Thị Quỳnh Châm	03/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
473	18050414	Nguyễn Minh Châu	12/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
474	18050417	Nguyễn Hữu Chuyên	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
475	18050422	Trần Hoàng Đạt	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
476	18050442	Nguyễn Thị Ngọc Hà	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
477	18050456	Trần Thu Hiền	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
478	18050470	Nguy Thị Hương	04/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
479	18050471	Nguyễn Mai Hương	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
480	18050475	Trần Hoài Hương	07/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
481	18050478	Mai Hoàng Huy	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
482	18050479	Nguyễn Quốc Huy	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
483	18050488	Trần Đình Khiêm	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
484	18050491	Vũ Phạm Đại Lâm	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
485	18050495	Hoàng Vũ Linh	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
486	18050497	Nguyễn Bảo Linh	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
487	18050501	Phạm Thị Mai Linh	10/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
488	18050502	Phạm Thị Thùy Linh	11/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
489	18050547	Bùi Phạm Tiến Phong	04/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
490	18050590	Vũ Quốc Thịnh	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
491	18050591	Nguyễn Minh Thu	12/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
492	18050607	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
493	18050615	Nguyễn Công Trung	09/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
494	18050619	Phan Hoàng Tùng	04/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
495	18050620	Vương Thị Kim Tuyền	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
496	18050621	Nguyễn Thị Tuyết	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
497	18050627	Hoàng Hà Vi	04/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
498	18050628	Trương Diễm Trang Vi	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
499	18050409	Trịnh Thị Ngọc Ánh	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
500	18050410	Vũ Thị Bắc	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
501	18050425	Nguyễn Văn Dư	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
502	18050431	Nguyễn Anh Dũng	05/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
503	18050437	Nguyễn Thùy Dương	09/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
504	18050438	Trần Hoàng Thái Dương	05/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
505	18050445	Đỗ Ngọc Hân	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
506	18050455	Nguyễn Thanh Hậu	05/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
507	18050461	Nguyễn Khánh Hòa	08/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
508	18050469	Nguyễn Cao Việt Hưng	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
509	18050472	Nguyễn Thị Hương	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
510	18050485	Nguyễn Thụy Khanh	08/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
511	18050509	Vũ Thùy Linh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
512	18050512	Doãn Bảo Long	04/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
513	18050515	Nguyễn Thảo Ly	02/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
514	18050518	Trần Hương Ly	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
515	18050529	Trần Thị Ngọc Mỹ	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
516	18050542	Cung Trang Nhung	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
517	18050544	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
518	18050546	Vũ Thị Hồng Nhung	12/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
519	18050552	Nguyễn Minh Phương	11/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
520	18050557	Phạm Lê Hà Phương	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
521	18050560	Nguyễn Đức Quang	03/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
522	18050569	Phạm Ngọc Tân	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
523	18050572	Bùi Phương Thảo	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
524	18050573	Bùi Thanh Thảo	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
525	18050595	Lưu Thị Thu Thủy	03/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
526	18050597	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	01/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
527	18050606	Nguyễn Quỳnh Trang	06/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
528	18050611	Nguyễn Thu Trang	03/04/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
529	18050612	Phạm Huyền Trang	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
530	18050638	Phùng Thị Thảo Yến	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
531	18050389	Nguyễn Thế Anh	01/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
532	18050391	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
533	18050393	Phạm Hoàng Anh	02/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
534	18050394	Phạm Phương Anh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
535	18050398	Trần Hồng Anh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
536	18050411	Nguyễn Thanh Bình	07/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
537	18050419	Nguyễn Nam Đan	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
538	18050427	Vũ Công Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
539	18050433	Nguyễn Minh Hoàng Dũng	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
540	18050434	Thái Minh Dũng	09/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
541	18050440	Nguyễn Thị Hương Giang	10/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
542	18050447	Phạm Thị Thu Hằng	07/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
543	18050448	Trịnh Minh Hằng	02/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
544	18050459	Lê Trung Hiếu	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
545	18050462	Ngô Minh Hoàng	12/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
546	18050468	Đỗ Văn Hùng	09/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
547	18050480	Trương Cảnh Huy	08/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
548	18050511	Đỗ Minh Long	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
549	18050522	Trần Đức Mạnh	11/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
550	18050523	Trần Đức Mạnh	08/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
551	18050525	Trần Hoàng Minh	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
552	18050538	Ngô Anh Nguyên	12/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
553	18050548	Lê Đăng Việt Phú	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
554	18050551	Nguyễn Lan Phương	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
555	18050570	Nguyễn Quốc Thắng	07/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
556	18050577	Lê Minh Thảo	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
557	18050578	Lê Phương Thảo	04/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
558	18050586	Trần Phương Thảo	07/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
559	18050589	Vũ Thị Phương Thảo	07/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
560	18050609	Nguyễn Thiên Hạnh Trang	06/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
561	18050613	Phạm Thị Huyền Trang	12/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
562	18050631	Văn Ngọc Vinh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
563	18050635	Nguyễn Thị Hải Yến	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
564	18050657	Nguyễn Hà Anh	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
565	18050659	Nguyễn Hồng Anh	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
566	18050664	Nguyễn Thị Lan Anh	05/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
567	18050665	Nguyễn Thị Tuyết Anh	04/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
568	18050669	Phạm Thị Vân Anh	04/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
569	18050679	Nguyễn Ngọc Ánh	02/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
570	18050683	Tô Thị Bình	06/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
571	18050697	Nguyễn Thuý Dương	07/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
572	18050712	Nguyễn Thị Hằng	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
573	18050716	Nguyễn Thị Thanh Hậu	07/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	4,450,000	13,050,000	13,050,000	-
574	18050730	Ngô Quang Huy	04/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
575	18050741	Doãn Thị Thuý Linh	09/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
576	18050744	Lục Phạm Khánh Linh	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
577	18050747	Ngô Thị Diệu Linh	03/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
578	18050761	Tổng Thị Hải Ly	08/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
579	18050766	Vũ Thị Mai	06/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
580	18050771	Đình Huyền My	04/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
581	18050772	Kiều Thị Trà My	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
582	18050773	Phạm Đoàn Trà My	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
583	18050775	Hoàng Mai Ngân	09/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
584	18050781	Nguyễn Yến Ngọc	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
585	18050782	Phạm Hoài Ngọc	12/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
586	18050791	Nguyễn Thị Nhung	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
587	18050798	Nguyễn Thị Thanh Phương	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
588	18050811	Nguyễn Thị Lê Thảo	04/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
589	18050814	Nguyễn Thị Thiện	08/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
590	18050819	Vũ Hà Thu	12/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
591	18050821	Lê Thu Thúy	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
592	18050823	Mai Nguyễn Thanh Thùy	01/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
593	18050828	Đình Hoàng Hạnh Trang	10/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
594	18050832	Lương Thị Trang	07/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
595	18050833	Lưu Quỳnh Trang	08/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
596	18050834	Mai Thị Kiều Trang	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
597	18050840	Thiều Thiện Tường	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
598	18050842	Trịnh Thị Tuyết	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
599	18050846	Nguyễn Thị Yên	10/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
600	18050655	Hoàng Thị Vân Anh	11/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
601	18050666	Nguyễn Tùng Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
602	18050667	Nguyễn Việt Anh	03/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
603	18050672	Trần Vương Tú Anh	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
604	18050687	Đào Ngọc Chuyên	04/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
605	18050694	Nguyễn Thị Ngọc Dung	10/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
606	18050701	Đình Trà Giang	08/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
607	18050702	Nguyễn Thanh Giang	06/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
608	18050704	Vũ Trường Giang	04/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
609	18050720	Trương Thanh Hoa	02/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
610	18050724	Nguyễn Thị Huế	09/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
611	18050725	Tạ Thị Thu Huế	12/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
612	18050726	Hoàng Mai Hương	02/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
613	18050727	Bùi Thị Hương	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
614	18050734	Ngô Thị Khánh Huyền	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
615	18050739	Trịnh Hồng Lê	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
616	18050745	Mai Thị Thùy Linh	10/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
617	18050746	Ngô Khánh Linh	07/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
618	18050750	Nguyễn Trúc Linh	10/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
619	18050762	Nguyễn Minh Lý	08/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
620	18050767	Nguyễn Tiến Mạnh	12/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
621	18050770	Nguyễn Tuấn Minh	10/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
622	18050778	Lê Thị Bảo Ngọc	04/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
623	18050788	Trần Minh Nhi	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
624	18050790	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
625	18050797	Nguyễn Thị Phương	06/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
626	18050802	Bùi Trung Quyền	03/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
627	18050804	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	11/25/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
628	18050805	Chu Đỗ Hoàng Sơn	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
629	18050822	Nguyễn Thị Thanh Thủy	06/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
630	18050835	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
631	18050838	Nguyễn Anh Tú	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
632	18050650	Trần Thái An	11/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
633	18050651	Bùi Đức Anh	06/24/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
634	18050653	Hạng Triệu Đức Anh	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
635	18050660	Nguyễn Lê Phương Anh	07/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
636	18050661	Nguyễn Ngọc Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
637	18050663	Nguyễn Phương Anh	07/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
638	18050668	Phạm Duy Anh	11/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
639	18050673	Vũ Huyền Anh	10/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
640	18050674	Vũ Thị Quỳnh Anh	09/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
641	18050676	Giáp Ngọc Ánh	01/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
642	18050682	Phạm Văn Bình	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
643	18050684	Trần Đức Bình	02/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
644	18050685	Vũ Kim Chi	05/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
645	18050686	Nguyễn Thị Chung	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
646	18050689	Phạm Minh Đạt	12/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
647	18050691	Lê Nguyên Đức	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
648	18050695	Lê Đức Dũng	11/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
649	18050699	Đào Hoàng Duy	12/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
650	18050703	Nguyễn Trường Giang	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
651	18050732	Vũ Huỳnh Anh Huy	10/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
652	18050751	Phạm Thùy Linh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
653	18050754	Nguyễn Thị Loan	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
654	18050757	Trương Thế Long	12/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
655	18050760	Bùi Trần Công Lực	04/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
656	18050763	Đinh Thị Mai	04/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
657	18050765	Nguyễn Thị Mai	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
658	18050774	Bùi Thúy Nga	06/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
659	18050785	Lê Hoàng Yến Nhi	03/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
660	18050787	Nguyễn Hương Nhi	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
661	18050793	Mạc Phương Oanh	06/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
662	18050800	Đào Thị Phương	09/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
663	18050801	Trần Thị Thu Quyên	11/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
664	18050806	Ninh Văn Sơn	08/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
665	18050812	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
666	18050818	Nguyễn Vũ Minh Thu	03/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
667	18050824	Phạm Thị Thu Thủy	05/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
668	18050829	Hoàng Thị Quỳnh Trang	09/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
669	18050844	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
670	18050652	Hà Quỳnh Anh	05/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
671	18050678	Mai Thị Ngọc Ánh	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
672	18050688	Hoàng Khánh Đạt	09/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
673	18050692	Phan Đình Đức	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
674	18050698	Phạm Thủy Dương	03/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
675	18050700	Đặng Long Giang	07/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
676	18050705	Bùi Thị Hồng Hà	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
677	18050708	Vũ Ngọc Hà	06/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
678	18050719	Vũ Trung Hiếu	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
679	18050722	Phạm Minh Hoàng	08/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
680	18050723	Phan Huy Hoàng	08/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
681	18050728	Đỗ Ngọc Huy	11/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
682	18050735	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
683	18050736	Trần Việt Kết	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
684	18050737	Nguyễn Tuấn Khang	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
685	18050742	Hồ Nhật Linh	11/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
686	18050752	Trịnh Khánh Linh	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
687	18050753	Vũ Thủy Linh	08/16/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
688	18050755	Hoàng Ngọc Long	07/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
689	18050756	Phạm Kim Long	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
690	18050759	Vũ Quốc Long	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
691	18050764	Đoàn Thúy Mai	01/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
692	18050786	Lê Yến Nhi	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
693	18050795	Bùi Thị Hồng Phúc	08/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
694	18050808	Nguyễn Thị Tâm	03/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
695	18050809	Nguyễn Trọng Tấn	09/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
696	18050810	Lương Thanh Thảo	08/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
697	18050826	Cao Thủy Tiên	09/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
698	18050830	Kim Minh Trang	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
699	18050831	Lê Minh Trang	07/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
700	18050836	Trần Hạnh Trang	11/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
701	18050837	Trần Đức Trung	09/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
702	18050843	Lê Thị Thu Uyên	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
703	18050845	Lê Minh Vũ	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
704	18050850	Bùi Đức Hoàng	07/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
705	18050854	Đào Thị Quỳnh Anh	09/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
706	18050857	Lê Thị Châm Anh	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
707	18050859	Nguyễn Phương Anh	12/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
708	18050864	Trịnh Hữu Việt Anh	11/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
709	18050866	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
710	18050867	Cao Gia Bách	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
711	18050870	Vũ Minh Châu	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
712	18050873	Lê Hoàng Linh Chi	05/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
713	18050874	Nguyễn Khánh Chi	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
714	18050876	Nguyễn Thị Chuyên	09/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
715	18050878	Đỗ Hải Đăng	04/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
716	18050879	Phạm Thành Đạt	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
717	18050882	Trần Công Đức	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
718	18050893	Nguyễn Thị Hiền	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
719	18050894	Bùi Thị Thu Hiền	10/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
720	18050902	Hồ Thị Huệ	02/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
721	18050903	Lê Minh Hương	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
722	18050904	Nguyễn Thị Diệu Hương	11/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
723	18050911	Vũ Hoàng Lan	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
724	18050918	Nguyễn Khánh Linh	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
725	18050923	Vũ Thùy Linh	02/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
726	18050926	Nguyễn Quỳnh Mai	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
727	18050941	Trần Thị Ánh Ngọc	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
728	18050946	Trịnh Thị Phương Nhi	02/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
729	18050962	Vũ Phương Thảo	09/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
730	18050963	Lê Ngọc Thùy	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
731	18050966	Cao Thị Thùy Trang	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
732	18050972	Trần Thị Thu Trang	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
733	18050984	Phạm Kim Yên	12/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
734	18050988	Nông Hoàng Khôi	08/24/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
735	18050852	Đinh Thị An	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
736	18050853	Trịnh Thực An	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
737	18050856	Lại Minh Anh	01/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
738	18050858	Ngô Quỳnh Anh	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
739	18050865	Ngô Thị Ánh	04/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
740	18050871	Đào Thị Linh Chi	07/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
741	18050875	Trần Phương Chi	09/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
742	18050883	Trịnh Đình Đức	03/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
743	18050884	Nguyễn Mạnh Dũng	11/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
744	18050886	Nguyễn Tùng Dương	08/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
745	18050889	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
746	18050890	Nguyễn Hương Giang	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
747	18050896	Đỗ Thế Hiệp	10/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
748	18050899	Nguyễn Thị Khánh Hòa	08/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
749	18050905	Kiều Quang Huy	03/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
750	18050908	Nguyễn Thanh Huyền	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
751	18050909	Nguyễn Trung Kiên	04/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
752	18050916	Dương Thị Yến Linh	11/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
753	18050919	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
754	18050920	Nguyễn Thùy Linh	08/07/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
755	18050924	Nguyễn Đăng Thanh Long	09/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
756	18050931	Trần Lê Minh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
757	18050932	Nguyễn Hà My	04/01/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
758	18050933	Nguyễn Thị Du Mỹ	10/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
759	18050934	Tô Hoàng Nam	12/22/1998	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
760	18050937	Nguyễn Tô Nga	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
761	18050945	Tào Lê Yến Nhi	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
762	18050947	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	09/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
763	18050950	Trịnh Xuân Phong	09/25/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	2,225,000	15,275,000	15,275,000	-
764	18050954	Nguyễn Thanh Tâm	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
765	18050955	Đinh Thị Tăng	12/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
766	18050967	Đinh Hà Trang	05/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
767	18050971	Tạ Thị Phương Trang	08/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
768	18050973	Trần Thu Trang	07/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
769	18050975	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	02/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
770	18050985	Đào Thị Hải Yến	08/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
771	18050860	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
772	18050861	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
773	18050862	Phạm Ngọc Vân Anh	07/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
774	18050863	Trần Nam Anh	05/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
775	18050868	Trần Việt Bảo	10/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
776	18050869	Phạm Bảo Châm	01/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
777	18050872	Hoàng Kim Chi	12/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
778	18050881	Ngô Tiến Đức	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
779	18050885	Hoàng Ngọc Dương	07/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
780	18050897	Nguyễn Quang Hiếu	03/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
781	18050901	Phạm Huy Hoàng	12/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
782	18050910	Đặng Tùng Lâm	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
783	18050913	Đinh Diệu Linh	03/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
784	18050914	Đinh Hoàng Linh	08/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
785	18050917	Nguyễn Bảo Linh	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
786	18050922	Phạm Ngọc Khánh Linh	12/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
787	18050927	Nguyễn Thị Hoa Mai	01/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
788	18050929	Nguyễn Ngọc Minh	02/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
789	18050930	Trần Công Minh	01/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
790	18050935	Trần Phương Nam	08/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
791	18050938	Lê Minh Ngọc	10/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
792	18050942	Nguyễn Thảo Nguyên	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
793	18050943	Mai Quỳnh Nhi	08/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
794	18050948	Vũ Trang Nhung	12/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
795	18050949	Lê Đức Phong	12/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
796	18050952	Nguyễn Thế Quang	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
797	18050953	Ngô Thị Thủy Sinh	03/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
798	18050957	Nghiêm Chí Thành	12/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
799	18050958	Trịnh Đức Thành	03/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
800	18050960	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
801	18050961	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
802	18050968	Nguyễn Minh Trang	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
803	18050969	Nguyễn Thu Trang	05/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
804	18050970	Nguyễn Yên Trang	08/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
805	18050974	Trần Vũ Minh Triết	09/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
806	18050977	Nguyễn Mạnh Trường	10/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
807	18050978	Khổng Gia Tường	01/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
808	18050986	Nguyễn Thị Yến	06/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
809	19051008	Hà Duy An	27/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
810	19051400	Nguyễn Tiến Trí An	09/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
811	19051010	Đào Thị Mỹ Anh	02/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
812	19051011	Dương Thị Ngọc Anh	19/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
813	19051012	Lại Quang Anh	28/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
814	19051013	Lâm Kim Anh	15/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
815	19051014	Lê Thị Mai Anh	10/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
816	19051015	Nguyễn Minh Anh	14/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
817	19051016	Nguyễn Ngọc Hà Anh	31/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
818	19051017	Nguyễn Quỳnh Anh	22/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
819	19051018	Nguyễn Thị Ngọc Anh	25/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
820	19051019	Nguyễn Thị Vân Anh	08/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
821	19051020	Nguyễn Thùy Anh	05/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
822	19051021	Phạm Việt Anh	23/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
823	19051022	Trần Phương Anh	14/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
824	19051023	Trương Quỳnh Điệp Anh	18/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
825	19051024	Vũ Thị Ngọc Anh	28/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
826	19051283	Nguyễn Mai Anh	03/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
827	19051401	Đinh Hồng Anh	19/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
828	19051025	Đỗ Thị Ngọc Ánh	21/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
829	19051026	Hà Thị Ngọc Ánh	21/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
830	19051027	Lê Thị Hồng Ánh	21/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
831	19051028	Nguyễn Thị Hoàng Ánh	10/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
832	19051029	Nguyễn Thị Linh Ánh	10/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
833	19051030	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	08/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
834	19051031	Phạm Xuân Ánh	26/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
835	19051032	Nguyễn Thái Bình	25/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
836	19051033	Sầm Phạm An Bình	01/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
837	19051034	Trương Quý Thanh Bình	08/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
838	19051035	Nguyễn Minh Châu	29/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
839	19051037	Bùi Thị Phương Chi	06/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
840	19051038	Lưu Thị Hà Chi	26/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
841	19051039	Mai Thị Linh Chi	01/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
842	19051040	Nguyễn Thị Phương Chi	13/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
843	19051041	Vũ Hà Chi	11/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
844	19051301	Phạm Linh Chi	16/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
845	19051042	Hà Thị Luận Chính	10/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
846	19051043	Hồ Thành Công	08/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
847	19051044	Tạ Thị Cúc	16/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
848	19051303	Nguyễn Phú Đại	29/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
849	19051045	Nguyễn Văn Đán	21/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
850	19051046	Đặng Duy Đạt	29/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
851	19051047	Lê Thành Đạt	08/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
852	19051048	Trần Huy Đạt	20/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
853	19051049	Vũ Thị Tuyết Đình	06/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
854	19051050	Nguyễn Thị Dung	01/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
855	19051374	Nguyễn Thị Phương Dung	19/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
856	19051051	Hoàng Quốc Dũng	17/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
857	19051052	Đào Thị Hoài Dương	14/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
858	19051053	Đỗ Thị Thùy Dương	19/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
859	19051055	Phan Thành Duy	27/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
860	19051056	Trần Anh Duy	04/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
861	19051307	Đinh Quang Duy	27/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
862	19051057	Hoàng Thị Giang	15/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
863	19051058	Ngô Thị Hương Giang	03/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
864	19051059	Nguyễn Thị Hương Giang	06/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
865	19051060	Nguyễn Trường Giang	13/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
866	19051061	Vũ Hương Giang	08/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
867	19051062	Đồng Thị Thu Hà	21/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
868	19051063	Nghiêm Thị Thanh Hà	01/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
869	19051064	Nguyễn Đức Hà	07/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
870	19051065	Nguyễn Dương Việt Hà	15/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
871	19051066	Nguyễn Ngọc Hà	20/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
872	19051067	Nguyễn Thị Ngân Hà	16/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
873	19051068	Nguyễn Thu Hà	31/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
874	19051069	Phạm Hoàng Hà	21/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
875	19051311	Nguyễn Khánh Hà	20/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
876	19051070	Lê Thanh Hải	11/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
877	19051071	Phạm Hồng Hải	29/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
878	19051072	Phí Tiến Bắc Hải	21/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
879	19051073	Văn Thế Hải	09/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
880	19051074	Nguyễn Thị Minh Hằng	21/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
881	19051075	Phạm Thị Thúy Hằng	07/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
882	19051076	Vũ Thu Hằng	25/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
883	19051077	Phạm Thị Minh Hiền	29/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
884	19051278	Nguyễn Minh Hiền	27/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
885	19051078	Nguyễn Huy Hiếu	07/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
886	19051079	Phạm Huy Hiếu	14/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
887	19051080	Nguyễn Thị Hoa	01/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
888	19051081	Phạm Thị Hòa	03/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
889	19051082	Trịnh Thị Khánh Hòa	15/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
890	19051313	Nguyễn Đỗ Phương Hoài	29/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
891	19051083	Đỗ Việt Hoàn	18/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
892	19051084	Bùi Minh Hoàng	07/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
893	19051085	Mai Huy Hoàng	03/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
894	19051086	Nguyễn Đăng Hoàng	22/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
895	19051087	Trần Đức Hoàng	02/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
896	19051088	Nguyễn Thị Hoat	07/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
897	19051089	Tống Thị Hồng	22/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
898	19051700	Kim Jea Hoon	06/02/1995	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
899	19051090	Nguyễn Quang Hợp	07/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
900	19051091	Nguyễn Thị Thương Huệ	14/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
901	19051092	Mai Thị Huệ	18/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
902	19051093	Bùi Quỳnh Hương	12/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
903	19051095	Đỗ Mai Hương	18/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
904	19051096	Hoàng Thị Hoài Hương	28/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
905	19051097	Tào Thị Mai Hương	24/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
906	19051098	Vũ Hoài Hương	06/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
907	19051273	Lại Thu Hương	29/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
908	19051315	Đặng Thái Hường	21/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
909	19051099	Đặng Hải Huy	27/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
910	19051100	Nguyễn Phúc Đức Huy	20/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
911	19051101	Phạm Gia Huy	12/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
912	19051102	Phạm Mạnh Huy	08/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
913	19051103	Phan Kế Huy	18/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
914	19051105	Chu Thị Huyền	25/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
915	19051106	Đặng Thị Thanh Huyền	10/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
916	19051107	Đỗ Thị Thanh Huyền	31/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
917	19051108	Phạm Thị Huyền	02/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
918	19051109	Vũ Thị Huyền	21/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
919	19051316	Phan Thanh Huyền	01/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
920	19051110	Đỗ Đăng Khải	18/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
921	19051111	Nguyễn Minh Khánh	03/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
922	19051112	Nguyễn Văn Khánh	15/12/2000	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
923	19051114	Bùi Trí Kiên	08/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
924	19051115	Nguyễn Lê Hồng Lam	11/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
925	19051116	Ngô Thị Quỳnh Lâm	10/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
926	19051117	Vũ Huy Lâm	27/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
927	19051320	Đặng Đình Lâm	16/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
928	19051118	Đinh Thị Lành	19/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
929	19051119	Trần Thị Liên	01/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
930	19051120	Đặng Khánh Linh	13/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
931	19051121	Đào Khánh Linh	08/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
932	19051122	Đào Phương Linh	26/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
933	19051123	Đỗ Thị Diệu Linh	17/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
934	19051124	Đoàn Khánh Linh	07/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
935	19051125	Đồng Thị Thùy Linh	17/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
936	19051128	Lê Lâm Hồng Linh	16/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
937	19051129	Lê Thị Phương Linh	01/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
938	19051130	Lương Thùy Linh	29/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
939	19051131	Nguyễn Hà Linh	31/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
940	19051132	Phạm Thị Mai Linh	29/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
941	19051133	Phan Hải Linh	04/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
942	19051134	Trần Thuý Linh	01/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
943	19051135	Trần Thùy Linh	29/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
944	19051136	Vũ Khánh Linh	17/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
945	19051137	Vũ Mai Linh	07/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
946	19051323	Đỗ Giang Linh	05/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
947	19051324	Bùi Khánh Linh	19/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
948	19051138	Vương Hoàng Lộc	10/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
949	19051139	Chu Thành Long	17/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
950	19051140	Lê Đức Long	16/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
951	19051142	Nguyễn Cẩm Ly	31/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
952	19051143	Nguyễn Khánh Ly	29/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
953	19051144	Phạm Thị Tân Lý	12/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
954	19051145	Lê Thị Ngọc Mai	29/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
955	19051146	Mai Thị Thanh Mai	03/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
956	19051147	Nguyễn Cao Hạnh Mai	30/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
957	19051148	Nguyễn Hồng Mai	31/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
958	19051150	Nguyễn Thị Ngọc Mai	21/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
959	19051151	Nguyễn Thị Ngọc Mai	27/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
960	19051281	Đinh Hiền Mai	23/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
961	19051152	Phạm Thị Hồng Mây	08/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
962	19051153	Trần Lê Bảo Mi	29/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
963	19051154	Đào Ngọc Minh	26/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
964	19051155	Đinh Lê Ngọc Minh	15/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
965	19051156	Dương Vũ Quang Minh	27/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
966	19051158	Nguyễn Đức Minh	28/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
967	19051332	Trần Quang Minh	05/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
968	19051159	Nguyễn Thị Hương Mơ	06/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
969	19051160	Nguyễn Hà My	16/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
970	19051161	Trần Hà My	30/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
971	19051277	Ngô Hà My	10/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
972	19051162	Đặng Hoài Nam	15/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
973	19051163	Phạm Vũ Hoàng Nam	13/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
974	19051164	Chu Thị Nga	08/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
975	19051165	Đoàn Thị Nga	26/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
976	19051166	Ngô Thị Hằng Nga	17/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
977	19051167	Hoàng Hiếu Ngân	29/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
978	19051169	Đào Hồng Ngọc	28/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
979	19051170	Doãn Bảo Ngọc	04/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
980	19051171	Ngô Thị Bích Ngọc	07/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
981	19051172	Phạm Quang Ngọc	06/12/2000	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
982	19051336	Đỗ Thị Bích Ngọc	10/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
983	19051173	Hoàng Đức Nguyên	05/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
984	19051175	Đào Minh Nguyệt	10/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
985	19051177	Tô Thị Ánh Nguyệt	01/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
986	19051364	Vũ Minh Nguyệt	04/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
987	19051178	Nguyễn Băng Nhi	14/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
988	19051179	Nhữ Vũ Uyên Nhi	10/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
989	19051180	Bùi Thị Thúy Như	18/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
990	19051181	Lê Phạm Quỳnh Như	15/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
991	19051182	Bùi Hồng Nhung	10/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
992	19051183	Lê Hồng Nhung	16/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
993	19051184	Nguyễn Thị Thanh Nhung	21/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
994	19051185	Nguyễn Thị Thùy Nhung	05/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
995	19051386	Trần Thị Kim Nhung	09/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
996	19051186	Nguyễn Thị Oanh	28/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
997	19051187	Nguyễn Trọng Phúc	08/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
998	19051188	Đoàn Thị Liên Phương	14/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
999	19051189	Giang Hoài Phương	09/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1000	19051190	Lê Lan Phương	08/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1001	19051191	Nguyễn Thị Hoài Phương	02/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1002	19051192	Nguyễn Thị Thu Phương	02/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1003	19051193	Phạm Phan Hà Phương	04/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1004	19051194	Trịnh Như Phương	26/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1005	19051338	Vũ Hà Phương	05/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1006	19051389	Nguyễn Văn Phương	25/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1007	19051195	Lê Ngọc Phượng	22/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1008	19051196	Vũ Thị Kim Phượng	17/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1009	19051340	Vũ Đức Quang	21/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1010	19051198	Lê Thị Quỳnh	12/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1011	19051342	Hứa Lê San	28/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1012	19051199	Lê Hoàng Sơn	25/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1013	19051200	Lê Thị Sương	30/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1014	19051201	Đào Thị Minh Tâm	06/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1015	19051202	Nguyễn Khắc Tâm	12/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1016	19051203	Nguyễn Thị Tâm	11/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1017	19051204	Nguyễn Thị Thanh Tâm	21/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1018	19051205	Lưu Thị Hoàng Thanh	01/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1019	19051206	Nguyễn Hoàng Thanh Thanh	03/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1020	19051207	Phạm Thị Thanh	16/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1021	19051208	Vũ Hà Thanh	22/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1022	19051344	Đào Phương Thanh	30/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1023	19051209	Hoàng Phương Thảo	17/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1024	19051210	Lê Phương Thảo	09/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1025	19051211	Lê Thanh Thảo	04/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1026	19051212	Nguyễn Phương Thảo	20/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1027	19051213	Phan Thị Thu Thảo	05/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1028	19051214	Phùng Thị Thanh Thảo	24/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1029	19051215	Trần Nguyễn Phương Thảo	20/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1030	19051216	Trần Thị Thảo	08/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1031	19051217	Nguyễn Thị Thoan	27/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1032	19051218	Nguyễn Thị Thu	01/05/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1033	19051219	Nguyễn Thị Thu	28/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1034	19051220	Nguyễn Hà Thương	18/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1035	19051221	Tăng Thị Thu Thương	11/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1036	19051222	Phan Thị Thủy	13/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1037	19051223	Nguyễn Đặng Thanh Thủy	10/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1038	19051224	Phạm Thu Thủy	08/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1039	19051225	Phạm Thị Phương Trâm	11/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1040	19051226	Cao Huyền Trang	25/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1041	19051227	Đặng Thị Hương Trang	04/12/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1042	19051228	Đào Quỳnh Trang	27/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1043	19051229	Diệp Thị Thu Trang	21/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1044	19051230	Đỗ Huyền Trang	21/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1045	19051231	Giang Quỳnh Trang	30/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1046	19051232	Lại Thị Huyền Trang	26/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1047	19051233	Lê Nguyễn Thu Trang	02/12/2000	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1048	19051235	Lê Thu Trang	16/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1049	19051236	Ngô Thị Hà Trang	06/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1050	19051237	Nguyễn Hà Trang	26/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1051	19051238	Nguyễn Linh Trang	13/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1052	19051239	Nguyễn Thị Huyền Trang	14/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1053	19051240	Nguyễn Thị Minh Trang	21/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1054	19051242	Trần Thị Thu Trang	16/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1055	19051243	Trịnh Thu Trang	28/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1056	19051244	Từ Thị Thái Trang	20/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1057	19051349	Nguyễn Quỳnh Trang	06/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1058	19051245	Trần Cao Trí	22/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1059	19051246	Hoàng Xuân Trường	04/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1060	19051247	Nguyễn Thị Thanh Tú	25/07/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1061	19051248	Trần Minh Tuấn	12/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1062	19051249	Nguyễn Anh Tuấn	01/04/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1063	19051350	Nguyễn Anh Tuấn	27/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1064	19051250	Nguyễn Sơn Tùng	08/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1065	19051251	Đỗ Thị Ngọc Tươi	14/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1066	19051252	Đỗ Hoàng Uyên	20/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1067	19051353	Nguyễn Phương Uyên	01/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1068	19051253	Nguyễn Thị Thảo Vân	14/01/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1069	19051254	Phạm Thị Thanh Vân	20/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1070	19051257	Nguyễn Kim Hải Vũ	30/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1071	19051258	Nguyễn Quang Vũ	28/11/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1072	19051259	Nguyễn Thương Vũ	01/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1073	19051260	Phạm Anh Vũ	07/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1074	19051261	Nguyễn Minh Vương	14/10/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1075	19051262	Phạm Đức Vượng	25/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1076	19051263	Hoàng Thị Hải Xuân	08/03/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1077	19051264	Nguyễn Thị Xuyên	09/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1078	19051265	Lương Thị Yến	30/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1079	19051266	Nguyễn Hải Yến	27/08/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1080	19051267	Nguyễn Hải Yến	21/06/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1081	19051268	Nguyễn Thị Hoàng Yến	14/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1082	19051269	Phạm Thị Hải Yến	15/09/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1083	19051270	Trần Thị Yến	27/02/2001	QH-2019 KTQT K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1084	19050598	Cao Phúc An	29/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1085	19050599	Nguyễn Thiện An	20/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1086	19050600	Đào Bảo Anh	03/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1087	19050601	Đồng Thị Kim Anh	24/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1088	19050602	Hoàng Thị Lan Anh	14/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1089	19050603	Ngô Phương Thảo Anh	19/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1090	19050604	Ngô Văn Anh	03/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1091	19050605	Nguyễn Đức Anh	16/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1092	19050606	Nguyễn Phương Anh	08/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1093	19050607	Nguyễn Thị Hải Anh	19/11/2000	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1094	19050608	Nguyễn Thị Văn Anh	25/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1095	19050609	Nguyễn Tiến Anh	04/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1096	19050610	Nguyễn Tuấn Anh	10/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1097	19050611	Phạm Nguyệt Anh	29/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1098	19050612	Phạm Quốc Anh	28/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1099	19050613	Phạm Thị Trà Anh	16/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1100	19050615	Vũ Đào Thảo Anh	14/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1101	19050616	Vũ Thị Phương Anh	14/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1102	19050617	Vũ Thị Phương Anh	20/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1103	19050618	Vũ Tuệ Anh	11/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1104	19050796	Đỗ Thị Hoàng Anh	28/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1105	19050619	Đỗ Ngọc Ánh	08/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1106	19050620	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	19/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1107	19050621	Phạm Thanh Bình	09/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1108	19050622	Nguyễn Ngọc Minh Châu	10/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1109	19050623	Nguyễn Phạm Linh Chi	03/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1110	19050624	Nguyễn Thị Linh Chi	25/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1111	19050626	Cao Thị Linh Đan	28/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1112	19050627	Nguyễn Hải Đăng	20/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1113	19050628	Nguyễn Quý Danh	19/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1114	19050629	Vương Tiến Đạt	11/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1115	19050630	Đặng Thùy Dung	27/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1116	19050631	Đỗ Mạnh Dũng	20/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1117	19050633	Phạm Duy Tấn Dũng	07/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1118	19050634	Lê Minh Dương	03/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1119	19050635	Nguyễn Thùy Dương	29/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1120	19050636	Phan Thùy Dương	14/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1121	19050785	Lương Thị Thu Dương	07/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1122	19050637	Nguyễn Minh Duy	02/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1123	19050638	Vũ Thái Duy	14/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1124	19050639	Nguyễn Phương Duyên	09/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1125	19050640	Đồng Trường Giang	14/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1126	19050641	Nguyễn Hoàng Giang	03/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1127	19050643	Trần Minh Hải	15/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1128	19050644	Kiều Thu Hằng	06/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1129	19050645	Nguyễn Thị Hằng	09/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1130	19050646	Nguyễn Thị Thu Hằng	14/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1131	19050647	Trần Minh Hằng	22/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1132	19050648	Hoàng Hồng Hạnh	07/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1133	19050649	Phùng Hồng Hạnh	19/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1134	19050650	Nguyễn Xuân Hào	23/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1135	19050651	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1136	19050652	Nguyễn Thị Thúy Hiền	12/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1137	19050653	Dương Minh Hiếu	17/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1138	19050654	Lương Cao Trung Hiếu	17/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1139	19050655	Nguyễn Đình Hiếu	15/12/2000	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1140	19050656	Nguyễn Minh Hòa	22/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1141	19050658	Nguyễn Hữu Hoàng	31/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1142	19050659	Phạm Thị Huệ	25/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1143	19050660	Nguyễn Lê Sinh Hùng	24/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1144	19050662	Nguyễn Quang Hưng	01/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1145	19050663	Trần Thành Hưng	26/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1146	19050665	Vũ Thu Hương	13/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1147	19050666	Nguyễn Quang Huy	19/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1148	19050667	Nguyễn Quang Huy	06/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1149	19050668	Lê Khánh Huyền	30/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1150	19050669	Lê Thanh Huyền	22/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1151	19050670	Nguyễn Khánh Huyền	19/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1152	19050671	Nguyễn Thu Huyền	09/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1153	19050672	Bùi Văn Kiên	08/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1154	19050673	Đoàn Trung Kiên	11/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1155	19050675	Cao Thị Nhật Lệ	08/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1156	19050676	Trần Thị Hồng Liên	21/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1157	19050677	Đỗ Hà Phương Linh	25/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1158	19050678	Đỗ Thị Hoài Linh	11/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1159	19050679	Lê Phương Linh	26/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1160	19050680	Ngô Hoàng Linh	26/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1161	19050681	Nguyễn Khánh Linh	22/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1162	19050682	Nguyễn Thị Phương Linh	14/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1163	19050683	Phạm Thị Yên Linh	11/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1164	19050684	Vũ Khánh Linh	10/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1165	19050685	Vũ Mai Linh	23/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1166	19050687	Hoàng Long	21/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1167	19050688	Lê Hiền Lương	02/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1168	19050689	Nông Thị Hương Ly	14/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1169	19050690	Lê Nguyễn Ngọc Mai	22/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1170	19050691	Nguyễn Huyền Mai	27/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1171	19050692	Phạm Thị Diễm Mì	22/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1172	19050693	Nguyễn Ngọc Minh	08/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1173	19050694	Nguyễn Nhật Minh	15/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1174	19050695	Nguyễn Thị Thanh Minh	08/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1175	19050696	Phạm Thị Hải Minh	15/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1176	19050697	Trần Công Minh	26/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1177	19050698	Đào Diễm My	18/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1178	19050699	Nguyễn Thị Trà My	12/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1179	19050701	Chu Thanh Nga	08/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1180	19050702	Đỗ Phương Nga	15/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1181	19050703	Thái Thị Quỳnh Nga	26/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1182	19050704	Dương Vũ Thanh Ngân	05/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1183	19050705	Nguyễn Thị Thanh Ngân	11/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1184	19050706	Hoàng Yến Ngọc	03/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1185	19050707	Nguyễn Minh Ngọc	25/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1186	19050708	Nguyễn Minh Ngọc	07/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1187	19050709	Phạm Thị Bích Ngọc	07/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1188	19050710	Lê Thị Vân Nhi	20/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1189	19050711	Đỗ Thị Trang Nhung	17/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1190	19050712	Nguyễn Quốc Phú	01/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1191	19050713	Lê Kinh Phúc	24/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1192	19050714	Nguyễn Hà Phương	10/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1193	19050715	Nguyễn Hiền Phương	21/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1194	19050716	Nguyễn Hiếu Phương	23/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1195	19050717	Nguyễn Mai Phương	02/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1196	19050718	Nguyễn Thị Hà Phương	13/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1197	19050720	Nguyễn Phúc Minh Quang	26/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1198	19050721	Nguyễn Thu Quyên	17/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1199	19050722	Lưu Thuý Quỳnh	30/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1200	19050723	Nguyễn Như Quỳnh	19/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1201	19050724	Nguyễn Thị Quỳnh	13/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1202	19050725	Phan Thị Diễm Quỳnh	25/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1203	19050726	Trịnh Như Quỳnh	06/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1204	19050727	Hoàng An Sơn	21/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1205	19050728	Phạm Trường Sơn	30/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1206	19050729	Trần Mạnh Tân	28/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1207	19050730	Bùi Thanh Thái	13/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1208	19050731	Đông Văn Thành	06/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1209	19050732	Đặng Phương Thảo	02/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1210	19050733	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1211	19050734	Trần Phương Thảo	04/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1212	19050735	Trịnh Thị Phương Thảo	28/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1213	19050736	Trương Phương Thảo	28/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1214	19050737	Nguyễn Thị Anh Thu	07/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1215	19050738	Nguyễn Anh Thu	20/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1216	19050740	Trần Minh Thư	16/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1217	19050741	Hán Quỳnh Thu Thương	11/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1218	19050743	Phạm Thị Thùy	01/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1219	19050744	Phạm Thị Thanh Thùy	05/02/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1220	19050745	Phí Thanh Thùy	23/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1221	19050746	Cao Thị Thủy Tiên	12/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1222	19050747	Phạm Thủy Tiên	17/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1223	19050748	Hoàng Công Toàn	06/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1224	19050749	Hà Bảo Trâm	02/03/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1225	19050752	Lâm Kiều Trang	17/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1226	19050753	Nguyễn Hạnh Trang	28/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1227	19050755	Nguyễn Thị Mai Trang	23/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1228	19050756	Phạm Quỳnh Trang	26/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1229	19050757	Vũ Thùy Trang	24/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1230	19050758	Nguyễn Thị Trinh	02/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1231	19050759	Hoàng Đức Trung	23/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1232	19050760	Nguyễn Đức Trung	04/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1233	19050762	Nguy Huy Tú	17/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1234	19050763	Đình Khắc Tuấn	02/11/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1235	19050764	Trương Anh Tuấn	10/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1236	19050765	Nguyễn Hoàng Tùng	10/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1237	19050766	Nguyễn Hữu Tùng	06/09/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1238	19050769	Nguyễn Minh Tuyết	07/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1239	19050770	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	13/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1240	19050771	Phùng Ngọc Uyên	14/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1241	19050773	Đào Thị Thanh Vân	05/05/1990	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1242	19050774	Hoàng Thị Thảo Vân	16/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1243	19050775	Lê Thị Thảo Vân	26/04/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1244	19050776	Nguyễn Thảo Vân	06/06/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1245	19050777	Nguyễn Thị Ngọc Vân	30/07/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1246	19050778	Trần Phan Thanh Vân	28/08/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1247	19050780	Bùi Đức Việt	27/10/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1248	19050781	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	22/01/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1249	19050782	Hoàng Thị Hải Yến	02/12/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1250	19050783	Nguyễn Thị Yến	10/05/2001	QH-2019 TCNH K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1251	19051402	Đặng Thị Thủy An	26/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1252	19051403	Phạm Thúy An	13/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1253	19051404	Trần Thành An	01/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1254	19051405	An Tuấn Anh	10/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1255	19051406	Bùi Đức Anh	30/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1256	19051407	Bùi Nguyễn Mai Anh	30/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1257	19051410	Đào Ngọc Anh	09/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1258	19051411	Hoa Quỳnh Anh	29/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1259	19051413	Lại Mai Anh	28/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1260	19051415	Lê Thế Anh	02/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1261	19051418	Nguyễn Thị Châm Anh	15/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1262	19051419	Nguyễn Thị Vân Anh	14/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1263	19051420	Trần Mai Anh	26/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1264	19051664	Phạm Phương Anh	26/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1265	19051421	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1266	19051422	Trần Ngọc Ánh	17/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1267	19051423	Hoàng Xuân Bách	17/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1268	19051424	Lê Sỹ Bách	14/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1269	19051425	Trần Ngọc Bách	05/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1270	19051426	Vương Thu Bích	17/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1271	19051427	Đào Thị Linh Chi	27/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1272	19051428	Nguyễn Kim Chi	15/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1273	19051429	Phùng Hà Chi	21/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1274	19051430	Trịnh Lan Chi	21/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1275	19051431	Vũ Thành Công	15/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1276	19051432	Nguyễn Thị Cúc	30/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1277	19051433	Phạm Đức Cường	09/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1278	19051643	Lê Huy Cường	21/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1279	19051434	Hoàng Quốc Đại	12/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1280	19051435	Nguyễn Tiến Đạt	26/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1281	19051436	Nguyễn Trọng Đạt	09/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1282	19051437	Đỗ Hồng Diễm	25/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1283	19051439	Nguyễn Hồng Ngọc Diệp	07/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1284	19051644	Nguyễn Ngọc Diệp	29/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1285	19051440	Cao Việt Đức	28/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1286	19051441	Hà Minh Đức	26/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1287	19051442	Lê Anh Đức	29/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1288	19051443	Nghiêm Huỳnh Đức	22/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1289	19051444	Nguyễn Văn Đức	08/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1290	19051445	Phạm Thị Kim Dung	03/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1291	19051446	Hoàng Mạnh Dũng	01/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1292	19051448	Nguyễn Hoàng Dũng	31/10/1999	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1293	19051449	Trần Văn Dũng	30/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1294	19051450	Nguyễn Phạm Cẩm Dương	25/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1295	19051452	Nguyễn Thùy Dương	04/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1296	19051453	Vũ Hồng Dương	06/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1297	19051645	Nguyễn Võ Dương	17/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1298	19051646	Nguyễn Thị Thùy Dương	17/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1299	19051695	Nguyễn Trùng Dương	25/08/2000	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1300	19051454	Nguyễn Phương Duyên	28/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1301	19051455	Đoàn Hương Giang	20/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1302	19051456	Ngô Cảnh Hoàng Giang	28/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1303	19051457	Phạm Nguyễn Ngân Hà	15/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1304	19051458	Trần Nguyễn Nguyên Hà	18/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1305	19051459	Nguyễn Thúy Hằng	17/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1306	19051460	Ninh Thúy Hằng	01/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1307	19051461	Chu Thị Tiêu Hạnh	28/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1308	19051462	Nguyễn Thị Hạnh	02/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1309	19051463	Nguyễn Minh Hào	02/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1310	19051464	Nguyễn Thị Hiền	02/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1311	19051466	Đặng Thị Thúy Hiền	10/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1312	19051467	Nguyễn Thị Minh Hiền	22/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1313	19051468	Trịnh Thị Hiền	24/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1314	19051469	Hà Minh Hiếu	28/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1315	19051470	Lê Tiến Hiếu	11/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1316	19051471	Tạ Nguyễn Vũ Đức Hiếu	26/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1317	19051472	Kiều Thị Hoa	30/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1318	19051473	Đinh Thị Thu Hoài	19/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1319	19051475	Nguyễn Nhật Hoàng	23/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1320	19051476	Vũ Huy Hoàng	12/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1321	19051477	Nguyễn Mạnh Hùng	16/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1322	19051478	Hoàng Việt Hưng	06/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1323	19051481	Trịnh Vũ Hưng	18/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1324	19051482	Lê Thị Mai Hương	24/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1325	19051483	Lưu Thị Hương	02/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1326	19051484	Nguyễn Lan Hương	02/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1327	19051485	Chu Thị Hường	30/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1328	19051486	Nguyễn Công Huy	22/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1329	19051487	Nguyễn Văn Huy	19/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1330	19051488	Đinh Thị Minh Huyền	23/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1331	19051491	Phạm Thị Huyền	12/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1332	19051492	Phan Thị Diệu Huyền	21/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1333	19051493	Trần Thị Thanh Huyền	01/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1334	19051495	Nguyễn Quốc Khánh	27/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1335	19051497	Trần Thị Lâm	25/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1336	19051498	Đỗ Thị Lan	04/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1337	19051499	Hà Nguyễn Phương Lan	21/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1338	19051500	Lê Phương Lan	05/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1339	19051501	Nguyễn Thị Lan	30/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1340	19051504	Cao Khánh Linh	09/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1341	19051507	Nguyễn Phương Linh	31/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1342	19051509	Phạm Trang Linh	28/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1343	19051510	Tống Khánh Linh	02/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1344	19051511	Trần Phương Linh	05/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1345	19051512	Trần Thị Linh	20/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1346	19051513	Nguyễn Thị Hiền Lương	02/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1347	19051514	Chu Cẩm Ly	20/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1348	19051517	Vũ Thị Tân Mai	17/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1349	19051518	Nguyễn Quang Mạnh	08/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1350	19051520	Đỗ Quang Minh	05/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1351	19051522	Hoàng Minh	17/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1352	19051524	Nguyễn Nguyệt Minh	15/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1353	19051526	Chu Hoàng My	06/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1354	19051527	Hoàng Thảo My	02/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1355	19051528	Ngô Thị Trà My	16/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1356	19051529	Phạm Thị Huyền My	09/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1357	19051530	Chu Thị Mỹ	19/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1358	19051531	Đỗ Hải Nam	08/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1359	19051533	Ngô Quỳnh Nga	24/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1360	19051534	Nguyễn Hằng Nga	18/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1361	19051536	Nguyễn Thanh Nga	19/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1362	19051537	Phạm Thị Phương Nga	10/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1363	19051539	Vũ Quốc Nghĩa	22/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1364	19051540	Đỗ Thị Ngoan	27/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1365	19051541	Đặng Hà Hồng Ngọc	14/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1366	19051543	Đỗ Thị Minh Ngọc	14/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1367	19051544	Nguyễn Lam Ngọc	02/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1368	19051546	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	14/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1369	19051547	Vũ Bảo Ngọc	13/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1370	19051657	Hoàng Bá Khôi Nguyên	26/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1371	19051548	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	16/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1372	19051549	Phan Thị Thanh Nhân	07/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1373	19051551	Lê Thị Nhung	15/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1374	19051665	Phạm Hồng Nhung	26/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1375	19051552	Nguyễn Duy Phong	17/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1376	19051553	Phạm Doãn Thanh Phong	03/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1377	19051554	Đỗ Minh Phú	18/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1378	19051555	Đỗ Nam Phương	11/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1379	19051556	Ngô Thị Lan Phương	08/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1380	19051557	Nguyễn Lê Hà Phương	29/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1381	19051559	Nguyễn Thị Việt Phương	25/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1382	19051560	Nguyễn Thu Phương	23/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1383	19051562	Phạm Thị Hoài Phương	29/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1384	19051563	Lê Ngọc Phương	25/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1385	19051565	Lã Tùng Quân	07/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1386	19051566	Lê Minh Quân	17/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1387	19051567	Trần Anh Quân	05/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1388	19051568	Vũ Hồng Quân	22/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1389	19051570	Hoàng Hương Quỳnh	24/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1390	19051571	Lưu Diễm Quỳnh	06/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1391	19051572	Phạm Ngọc Quỳnh	18/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1392	19051685	Nguyễn Ngọc Quỳnh	11/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1393	19051574	Nguyễn Ngọc Tân	07/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1394	19051575	Nguyễn Nguyên Tân	06/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1395	19051576	Đỗ Đức Thắng	16/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1396	19051578	Nguyễn Tuấn Thành	17/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1397	19051579	Phạm Khắc Thành	18/12/2000	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1398	19051580	Trần Trường Thành	24/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1399	19051581	An Thị Phương Thảo	22/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1400	19051582	Lại Thị Thảo	07/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1401	19051583	Lưu Phương Thảo	28/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1402	19051584	Nguyễn Phương Thảo	02/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1403	19051585	Phạm Linh Thảo	21/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1404	19051586	Trần Thị Phương Thảo	30/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1405	19051659	Lê Phương Thảo	19/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1406	19051587	Nguyễn Phúc Thiện	02/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1407	19051590	Trương Thị Minh Thoa	01/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1408	19051591	Lê Hoài Thu	09/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1409	19051593	Phùng Văn Thường	03/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1410	19051594	Nguyễn Thị Thủy	08/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1411	19051595	Dương Thị Phương Thúy	14/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1412	19051596	Nguyễn Minh Thúy	17/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1413	19051597	Nguyễn Phương Thùy	26/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1414	19051598	Nguyễn Thị Thùy	06/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1415	19051599	Bùi Thị Thanh Thùy	22/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1416	19051600	Nguyễn Thị Thùy	28/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1417	19051601	Võ Thị Trà	20/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1418	19051602	Đinh Thị Thu Trang	28/05/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1419	19051604	Hoàng Thanh Trang	17/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1420	19051605	Hoàng Thị Trang	30/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1421	19051606	Nguyễn Thị Đào Trang	21/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1422	19051608	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1423	19051609	Nguyễn Thị Thu Trang	16/07/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1424	19051610	Nguyễn Thị Thùy Trang	03/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1425	19051611	Nguyễn Thu Trang	01/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1426	19051614	Tạ Ngô Thiên Trang	27/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1427	19051615	Bùi Thế Trường	27/02/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1428	19051616	Lưu Đức Trường	21/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1429	19051617	Phạm Sơn Trường	04/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1430	19051618	Cù Minh Tú	23/12/2000	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1431	19051619	Lê Hoàng Anh Tú	23/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1432	19051620	Cao Anh Tuấn	11/09/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1433	19051621	Trần Thị Tươi	21/04/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1434	19051634	Trần Thị Tô Uyên	08/06/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1435	19051690	Nguyễn Lê Uyên	25/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1436	19051623	Phạm Thị Thảo Vân	25/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1437	19051624	Nguyễn Tường Vi	27/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1438	19051625	Trịnh Quang Vinh	20/12/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1439	19051626	Nguyễn Long Vũ	06/03/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1440	19051627	Bùi Hà Vy	13/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1441	19051691	Nguyễn Lê Vy	25/11/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1442	19051628	Nguyễn Lưu Anh Xuyên	07/01/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1443	19051629	Nguyễn Hải Yến	22/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1444	19051630	Nguyễn Thị Hải Yến	20/08/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1445	19051631	Nguyễn Thị Hải Yến	21/10/2001	QH-2019 QTKD K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1446	19050814	Hồ Hạnh An	04/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1447	19050815	Nguyễn Hải An	13/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1448	19050817	Phạm Vũ Quỳnh An	13/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1449	19050818	Đỗ Hoàng Anh	18/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1450	19050819	Lê Phương Anh	17/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1451	19050820	Lê Thị Hà Anh	03/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1452	19050821	Nguyễn Hồ Kiều Anh	12/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1453	19050822	Nguyễn Mai Anh	30/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1454	19050823	Nguyễn Phương Anh	13/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1455	19050824	Nguyễn Phương Anh	04/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1456	19050825	Nguyễn Thị Lan Anh	25/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1457	19050827	Phạm Thị Quỳnh Anh	08/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1458	19050828	Trần Phương Anh	30/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1459	19050829	Trần Thị Ngọc Anh	21/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1460	19050830	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1461	19050994	Phạm Tuấn Anh	08/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1462	19050995	Nguyễn Quỳnh Anh	08/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1463	19050831	Phan Ngọc Ánh	21/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1464	19050832	Nguyễn Thị Ngọc Bích	25/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1465	19050833	Đào Thị Thanh Bình	06/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1466	19050835	Nguyễn Minh Châu	02/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1467	19050836	Bùi Kim Chi	13/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1468	19050837	Lê Thị Linh Chi	19/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1469	19050838	Tạ Kim Chi	23/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1470	19050839	Nguyễn Hồng Đăng	07/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1471	19050840	Trần Thị Diệu	14/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1472	19050841	Lê Duy Đức	26/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1473	19050842	Nguyễn Anh Đức	17/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1474	19050843	Giang Thùy Dung	09/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1475	19050844	Phạm Thị Dung	02/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1476	19050845	Tăng Thị Thùy Dung	27/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1477	19050846	Bùi Thùy Dương	03/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1478	19050847	Đinh Thùy Dương	15/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1479	19050848	Từ Hữu Duy	27/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1480	19050849	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	23/05/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1481	19050850	Đinh Thị Cẩm Giang	07/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1482	19050851	Nguyễn Hương Giang	08/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1483	19050852	Nguyễn Thùy Giang	17/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1484	19050853	Phương Thu Giang	27/02/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1485	19050854	Ngô Thị Hà	27/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1486	19050856	Nguyễn Thị Thu Hà	11/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1487	19050857	Lương Gia Hân	31/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1488	19050858	Hà Minh Hằng	31/05/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1489	19050860	Lê Thị Hạnh	11/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1490	19050861	Nguyễn Bích Hạnh	07/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1491	19050862	Phạm Thị Hạnh	09/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1492	19050863	Vũ Hồng Hạnh	25/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1493	19050864	Nguyễn Thị Hào	30/08/2000	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1494	19050865	Hoàng Thu Hiền	26/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1495	19050866	Nguyễn Thị Thúy Hiền	04/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1496	19050867	Nguyễn Thu Hiền	17/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1497	19050868	Nguyễn Thị Hoa	29/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1498	19050869	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	14/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1499	19050870	Phùng Thị Thúy Hồng	13/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1500	19050871	Đặng Thị Huệ	23/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1501	19050872	Trần Thị Huệ	08/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1502	19050873	Vũ Ngọc Hùng	19/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1503	19050874	Đỗ Thị Hương	17/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1504	19050875	Dương Thu Hương	23/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1505	19050876	Nghiêm Thị Thu Hương	27/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1506	19050877	Ngô Thị Lan Hương	16/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1507	19050878	Phạm Thị Thu Hương	29/10/2000	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1508	19050880	Kiều Thị Thu Hường	26/02/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1509	19050882	Đỗ Thị Huyền	17/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1510	19050883	Mai Ngọc Huyền	31/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1511	19050884	Nguyễn Khánh Huyền	02/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1512	19050885	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	21/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1513	19050886	Phùng Thanh Huyền	19/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1514	19050887	Nguyễn Thị Tùng Lâm	05/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1515	19050888	Nguyễn Thị Lan	13/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1516	19050889	Trần Thị Lành	09/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1517	19050890	Nguyễn Thị Liên	03/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1518	19050891	Đào Ngọc Khánh Linh	10/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1519	19050892	Đinh Khánh Linh	03/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1520	19050893	Lê Khánh Linh	09/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1521	19050894	Nguyễn Khánh Linh	30/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1522	19050895	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1523	19050896	Nguyễn Thùy Linh	20/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1524	19050897	Nhâm Thị Diệu Linh	08/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1525	19050898	Phạm Thị Linh	18/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1526	19050899	Phạm Thị Phương Linh	08/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1527	19050900	Phạm Trần Khánh Linh	11/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1528	19050901	Phí Thùy Linh	22/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1529	19050902	Phùng Thị Ngọc Linh	26/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1530	19050903	Phương Thùy Linh	25/05/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1531	19050904	Trịnh Thị Mỹ Linh	16/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1532	19050905	Vì Nhật Linh	04/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1533	19050906	Nguyễn Thị Cẩm Ly	24/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1534	19050907	Nguyễn Thị Hương Ly	10/02/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1535	19050908	Nguyễn Thị Khánh Ly	28/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1536	19050909	Phan Hương Ly	01/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1537	19050911	Ngô Phương Mai	18/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1538	19050912	Tan Shi Min	13/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1539	19050913	Nguyễn Hoa Trà My	10/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1540	19050914	Nguyễn Lê Hà My	10/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1541	19050915	Đặng Phạm Ý Mỹ	08/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1542	19050916	Nguyễn Thị Lê Na	01/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1543	19050917	Nguyễn Thúy Ngân	15/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1544	19050918	Trần Thu Ngân	09/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1545	19050919	Bùi Thu Ngọc	25/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1546	19050920	Khuất Hồng Ngọc	21/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1547	19050921	Lê Thảo Ngọc	31/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1548	19050922	Lê Thị Hồng Ngọc	02/05/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1549	19050923	Nguyễn Bích Ngọc	21/05/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1550	19050924	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1551	19050925	Nguyễn Khánh Nguyên	19/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1552	19050926	Nguyễn Thị Nguyệt	26/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1553	19050927	Phạm Minh Nguyệt	09/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1554	19050928	Đỗ Yến Nhi	17/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1555	19050929	Nguyễn Thị Uyên Nhi	01/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1556	19050930	Nguyễn Trần Mai Nhi	01/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1557	19050931	Trần Thảo Nhi	15/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1558	19050932	Hoàng Thị Hồng Nhung	15/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1559	19050933	Lê Trang Nhung	08/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1560	19050934	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1561	19050935	Nguyễn Thị Hồng Nhung	29/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1562	19050936	Nguyễn Thị Trang Nhung	18/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1563	19050999	Nguyễn Trang Nhung	24/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1564	19050939	Phùng Thanh Phong	25/02/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1565	19050940	Đỗ Thị Phúc	03/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1566	19050941	Nguyễn Đỗ Thiên Phúc	18/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1567	19050942	Bùi Thảo Phương	16/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1568	19050943	Hoàng Thị Phương	03/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1569	19050944	Nguyễn Thị Thu Phương	13/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1570	19050945	Phạm Hà Phương	28/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1571	19050946	Lê Thị Phương	01/03/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1572	19050947	Nguyễn Lê Đan Phương	26/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1573	19050948	Hoàng Thị Thu Quyên	29/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1574	19050949	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	19/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1575	19050950	Nguyễn Như Quỳnh	26/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1576	19050951	Nguyễn Thị Sao	25/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1577	19050952	Nguyễn Thị Thanh Thanh	22/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1578	19050953	Đỗ Thị Hương Thảo	08/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1579	19050954	Hán Thị Thu Thảo	14/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1580	19050955	Lê Thị Thu Thảo	20/05/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1581	19050956	Nguyễn Phương Thảo	11/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1582	19050957	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1583	19050958	Nguyễn Thị Thảo	02/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1584	19050959	Nguyễn Thị Thảo	07/10/2000	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1585	19050960	Phạm Thị Phương Thảo	18/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1586	19050961	Phạm Thị Thảo	24/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1587	19050964	Phạm Thị Thanh Thu	06/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1588	19050965	Phí Thị Huyền Thương	12/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1589	19050967	Nguyễn Thị Thúy	16/02/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1590	19050968	Nguyễn Thị Thùy	15/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1591	19050969	Bùi Thị Thanh Thủy	05/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1592	19050970	Nguyễn Thu Thủy	14/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1593	19050971	Phạm Nguyễn Thu Trà	05/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1594	19050972	Luyện Thị Huyền Trang	15/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1595	19050973	Nguyễn Thị Hà Trang	27/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1596	19050975	Nguyễn Thị Thùy Trang	15/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1597	19050976	Nguyễn Thùy Trang	16/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1598	19050977	Nguyễn Thùy Trang	15/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1599	19050978	Phạm Hà Trang	24/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1600	19050979	Trần Quỳnh Trang	28/02/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1601	19050980	Vũ Thị Quỳnh Trang	04/12/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1602	19050981	Chu Cẩm Tú	29/10/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1603	19050982	Trần Lê Cẩm Tú	16/09/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1604	19050983	Trần Anh Tuấn	15/11/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1605	19050984	Nguyễn Lê Tùng	27/08/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1606	19050985	Nguyễn Thị Phương Uyên	25/01/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1607	19050986	Diêm Thị Quỳnh Vân	21/07/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1608	19050987	Hoàng Lê Thảo Vy	15/05/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1609	19050988	Hoàng Thị Hải Yến	22/04/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1610	19050989	Lê Thị Hải Yến	02/06/2001	QH-2019 KETOAN K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1611	19050001	Bùi Nguyệt An	11/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1612	19050003	Bùi Việt Minh Anh	07/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1613	19050004	Đào Thị Phương Anh	10/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1614	19050005	Đào Việt Anh	18/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1615	19050006	Đồng Tuấn Anh	10/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1616	19050007	Hồ Lê Minh Anh	10/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1617	19050009	Lê Ngọc Anh	10/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1618	19050010	Lương Kim Anh	25/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1619	19050011	Ngô Phương Anh	10/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1620	19050012	Ngô Thục Anh	20/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1621	19050013	Nguyễn Minh Anh	09/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1622	19050014	Nguyễn Minh Anh	10/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1623	19050015	Nguyễn Ngọc Anh	04/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1624	19050016	Nguyễn Phương Anh	06/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1625	19050017	Nguyễn Thái Anh	01/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1626	19050018	Nguyễn Thị Hồng Anh	13/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1627	19050019	Nguyễn Thị Vân Anh	29/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1628	19050020	Nguyễn Tuấn Anh	14/06/1999	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1629	19050021	Nguyễn Tuấn Anh	20/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1630	19050022	Nguyễn Vũ Đức Anh	06/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1631	19050023	Phạm Hải Anh	12/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1632	19050024	Phạm Minh Anh	24/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1633	19050025	Trịnh Thị Lan Anh	17/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1634	19050026	Đinh Thị Minh Ánh	02/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1635	19050027	Lường Thị Ánh	05/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1636	19050028	Hoàng Quốc Bảo	27/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1637	19050030	Trần Bảo Châu	20/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1638	19050031	Nguyễn Phương Chi	07/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1639	19050032	Phạm Ngọc Linh Chi	13/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1640	19050033	Vương Khánh Chi	27/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1641	19050034	Nguyễn Minh Chiến	21/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1642	19050035	Bùi Kiều Chinh	13/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1643	19050036	Đinh Thị Kiều Chinh	14/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1644	19050037	Nguyễn Kiều Chinh	16/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1645	19050038	Đông Thị Chuyên	30/12/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1646	19050039	Phùng Thị Hải Chuyên	24/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1647	19050040	Nguyễn Khắc Đăng	13/08/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1648	19050041	Vũ Hải Đăng	21/05/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1649	19050042	Phùng Ngọc Diệp	25/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1650	19050043	Nguyễn Hồng Đức	13/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1651	19050044	Phạm Thùy Dung	13/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1652	19050045	Đỗ Minh Dũng	28/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1653	19050048	Tạ Trí Dũng	13/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1654	19050308	Trần Danh Dũng	27/08/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1655	19050049	Đặng Nguyên Dương	22/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1656	19050050	Phạm Thuỳ Dương	11/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1657	19050051	Chung Tuấn Duy	15/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1658	19050052	Nguyễn Khánh Duy	17/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1659	19050053	Phạm Hồng Duy	25/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1660	19050054	Phạm Ngọc Duy	08/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1661	19050056	Khiếu Thị Mỹ Duyên	27/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1662	19050057	Bùi Thị Hoàng Giang	31/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1663	19050058	Lương Ngọc Thu Giang	15/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1664	19050060	Trần Ngọc Hương Giang	19/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1665	19050061	Trịnh Hương Giang	20/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1666	19050062	Vương Hồng Giang	07/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1667	19050063	Bùi Quang Hà	22/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1668	19050065	Hoàng Thu Hà	31/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1669	19050066	Nguyễn Thị Thu Hà	06/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1670	19050067	Đỗ Xuân Hải	16/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1671	19050068	Nguyễn Thanh Hải	12/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1672	19050069	Đặng Thị Thanh Hằng	12/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1673	19050070	Hoàng Minh Hằng	21/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1674	19050071	Lý Thị Thanh Hằng	19/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1675	19050072	Ngô Thu Hằng	20/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1676	19050074	Nguyễn Thu Hằng	28/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1677	19050075	Nguyễn Thúy Hạnh	25/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1678	19050076	Trương Hồng Hạnh	12/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1679	19050077	Trương Vân Hạnh	30/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1680	19050078	Lê Phúc Hậu	26/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1681	19050079	Trần Thị Hậu	02/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1682	19050080	Nguyễn Thị Thanh Hiền	24/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1683	19050081	Nguyễn Thị Thu Hiền	24/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1684	19050082	Nguyễn Thu Hiền	30/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1685	19050083	Nguyễn Thu Hiền	22/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1686	19050084	Phạm Thị Hiền	17/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1687	19050085	Trương Thị Thu Hiền	20/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1688	19050300	Ngô Gia Hiền	15/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1689	19050086	Nguyễn Minh Hiếu	23/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1690	19050087	Nông Minh Hiếu	11/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1691	19050088	Tô Minh Hiếu	16/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1692	19050089	Trần Minh Hiếu	20/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1693	19050090	Trịnh Đức Hiếu	21/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1694	19050091	Vũ Trung Hiếu	02/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1695	19050092	Đào Thị Hoa	14/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1696	19050093	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	13/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1697	19050094	Bùi Thị Hòa	11/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1698	19050095	Lê Diên Hòa	04/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1699	19050096	Bùi Lê Minh Hoàng	20/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1700	19050097	Bùi Việt Hoàng	23/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1701	19050098	Trần Dương Hoàng	04/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1702	19050100	Nguyễn Thị Bích Hợp	16/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1703	19050102	Nguyễn Đức Hùng	12/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1704	19050103	Đào Thanh Hương	28/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1705	19050105	Lê Thị Linh Hương	16/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1706	19050106	Lê Thị Mai Hương	05/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1707	19050108	Nguyễn Ngọc Mai Hương	09/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1708	19050110	Trần Quỳnh Hương	25/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1709	19050112	Trịnh Thị Thu Hương	07/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1710	19050117	Lê Khánh Huyền	06/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1711	19050118	Nguyễn Thanh Huyền	24/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1712	19050119	Nguyễn Thanh Huyền	13/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1713	19050120	Nguyễn Thị Huyền	20/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1714	19050121	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	14/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1715	19050122	Nguyễn Thị Thu Huyền	12/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1716	19050123	Nguyễn Đức Khải	09/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1717	19050124	Nguyễn Xuân Khiêm	09/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1718	19050125	Cao Đình Kiên	18/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1719	19050126	Đỗ Hữu Kiên	10/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1720	19050127	Nguyễn Xuân Kiên	23/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1721	19050128	Nguyễn Vĩnh Kỳ	25/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1722	19050129	Vũ Thị La	04/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1723	19050130	Trần Khánh Lâm	25/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1724	19050133	Bùi Diệu Linh	26/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1725	19050134	Đặng Phương Linh	15/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1726	19050135	Đỗ Ngọc Linh	28/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1727	19050136	Lê Huyền Linh	21/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1728	19050137	Lê Thùy Linh	28/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1729	19050138	Mã Phương Linh	18/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1730	19050139	Nguyễn Bảo Linh	08/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1731	19050140	Nguyễn Bảo Linh	07/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1732	19050141	Nguyễn Diệp Linh	01/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1733	19050142	Nguyễn Gia Linh	09/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1734	19050143	Nguyễn Khánh Linh	13/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1735	19050144	Nguyễn Khánh Linh	14/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1736	19050145	Nguyễn Mai Linh	25/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1737	19050146	Nguyễn Thị Khánh Linh	16/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1738	19050148	Nguyễn Thị Mai Linh	09/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1739	19050149	Nguyễn Thùy Linh	20/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1740	19050151	Trần Hà Linh	24/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1741	19050152	Trịnh Thùy Linh	02/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1742	19050153	Trương Thùy Linh	17/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1743	19050154	Vũ Hòa Linh	21/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1744	19050310	Phạm Thị Thùy Linh	29/09/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1745	19050156	Nguyễn Bảo Long	10/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1746	19050157	Trần Thị Hiền Lương	08/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1747	19050158	Bạch Kiều Ly	26/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1748	19050159	Đặng Thị Diệu Ly	12/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1749	19050160	Dương Hà Hương Ly	04/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1750	19050161	Ngô Khánh Ly	06/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1751	19050163	Hà Thanh Mai	25/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1752	19050164	Lê Thanh Mai	10/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1753	19050165	Nguyễn Ngọc Mai	10/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1754	19050166	Nguyễn Quỳnh Mai	09/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1755	19050167	Nguyễn Thanh Mai	19/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1756	19050168	Nguyễn Thị Xuân Mai	19/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1757	19050169	Nguyễn Xuân Mai	11/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1758	19050170	Tổng Lương Quỳnh Mai	03/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1759	19050171	Trịnh Thanh Mai	29/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1760	19050172	Đình Quang Mạnh	19/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1761	19050174	Đoàn Thị Minh	14/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1762	19050175	Lê Anh Minh	20/12/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1763	19050176	Lê Diệu Minh	08/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1764	19050178	Trần Toàn Minh	07/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1765	19050180	Nguyễn Hoàng Hà My	09/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1766	19050181	Vũ Hoàng Nam	27/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1767	19050182	Nguyễn Linh Nga	02/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1768	19050183	Hà Thị Hồng Ngân	21/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1769	19050184	Hoàng Lê Bảo Ngân	04/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1770	19050185	Lê Kim Ngân	01/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1771	19050186	Trần Phúc Nghĩa	29/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1772	19050187	Lê Thị Minh Ngọc	28/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1773	19050188	Nguyễn Minh Ngọc	26/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1774	19050189	Nguyễn Thị Ngọc	18/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1775	19050190	Lê Thị Thảo Nguyên	27/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1776	19050191	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	09/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1777	19050192	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	23/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1778	19050193	Đỗ Thúy Nhài	02/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1779	19050194	Lê Thảo Nhi	08/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1780	19050195	Nguyễn Hồng Nhung	06/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1781	19050196	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1782	19050198	Trịnh Thị Nhung	15/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1783	19050200	Đỗ Thị Kim Oanh	19/12/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1784	19050201	Nguyễn Thị Kim Oanh	15/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1785	19050202	Đặng Minh Phong	10/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1786	19050203	Tăng Đức Phong	16/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1787	19050204	Trần Anh Phong	21/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1788	19050205	Bùi Thị Thu Phương	23/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1789	19050206	Ngô Hà Phương	28/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1790	19050207	Nguyễn Hà Phương	01/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1791	19050208	Nguyễn Huệ Phương	25/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1792	19050209	Nguyễn Thanh Phương	20/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1793	19050210	Nguyễn Thị Trúc Phương	05/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1794	19050211	Tạ Thu Phương	09/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1795	19050213	Trần Thị Thu Phương	11/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1796	19050214	Vũ Duy Nguyên Phương	08/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1797	19050215	Vũ Minh Phương	16/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1798	19050216	Vương Thu Phương	06/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1799	19050219	Nguyễn Tuấn Quang	22/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1800	19050220	Vương Lê Quang	04/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1801	19050221	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	05/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1802	19050224	Đặng Diễm Quỳnh	14/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1803	19050225	Đoàn Thị Như Quỳnh	13/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1804	19050226	Lương Thị Thủy Quỳnh	15/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1805	19050227	Nguyễn Như Quỳnh	25/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1806	19050228	Nguyễn Thúy Quỳnh	08/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1807	19050229	Trần Thị Phương Quỳnh	03/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1808	19050230	Vũ Như Quỳnh	10/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1809	19050231	Bùi Giang Sơn	14/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1810	19050232	Đông Xuân Sơn	12/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1811	19050235	Trần Mạnh Tài	08/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1812	19050236	Nguyễn Linh Tâm	17/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1813	19050237	Nguyễn Minh Tân	12/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1814	19050238	Nguyễn Hà Tây	25/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1815	19050239	Nguyễn Thị Hồng Thắm	01/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1816	19050240	Trần Minh Thắng	15/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1817	19050241	Hồ Thị Kim Thanh	29/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1818	19050242	Phạm Thị Thanh Thanh	23/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1819	19050243	Lê Tiến Thành	22/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1820	19050244	Nguyễn Hữu Thành	29/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1821	19050245	Lê Phương Thảo	17/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1822	19050246	Mai Phương Thảo	16/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1823	19050247	Nguyễn Phương Thảo	18/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1824	19050248	Nguyễn Thị Thanh Thảo	21/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1825	19050249	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1826	19050250	Trần Thị Mai Thảo	04/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1827	19050253	Vũ Thị Phương Thảo	24/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1828	19050255	Nguyễn Đức Thoại	14/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1829	19050256	Lê Hà Thu	12/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1830	19050257	Nguyễn Thị Thu	10/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1831	19050258	Nguyễn Thị Thu	29/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1832	19050259	Nguyễn Thị Thanh Thu	27/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1833	19050260	Đỗ Thanh Thúy	27/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1834	19050261	Nguyễn Thị Thúy	04/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1835	19050262	Phạm Minh Thúy	19/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1836	19050263	Đặng Diễm Thùy	12/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1837	19050265	Đỗ Thuý Tiên	01/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1838	19050266	Hoàng Vũ Tin	02/10/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1839	19050267	Đỗ Khánh Toàn	09/12/1999	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Định mức	Miễn / giảm	Số tiền	Học phí đã nộp	Học phí còn nợ
1840	19050268	Đặng Vân Trà	04/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1841	19050269	Nguyễn Hương Trà	29/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1842	19050270	Chu Huyền Trang	01/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1843	19050271	Hoàng Thị Trang	23/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1844	19050272	Lê Minh Trang	26/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1845	19050274	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1846	19050275	Phạm Thị Huyền Trang	01/06/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1847	19050277	Vy Thị Huyền Trang	05/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1848	19050279	Bùi Thị Lâm Trúc	10/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1849	19050280	Phùng Như Trường	02/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1850	19050282	Phạm Tuấn	31/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1851	19050283	Nguyễn Lê Anh Tùng	22/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1852	19050284	Lê Thị Ánh Tuyết	13/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1853	19050285	Bùi Ngọc Uyên	27/09/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1854	19050286	Đỗ Thị Hồng Uyên	17/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1855	19050288	Phạm Mai Uyên	04/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1856	19050289	Ngô Thùy Vân	24/11/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1857	19050290	Phùng Thu Vân	16/05/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1858	19050291	Trần Thảo Vân	21/02/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1859	19050292	Chữ Thị Thảo Vi	04/07/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1860	19050293	Đào Thị Hà Vi	03/03/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1861	19050294	Dương Nguyễn Tường Vi	21/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1862	19050295	Vũ Minh Việt	24/04/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1863	19050296	Nguyễn Tô Long Vũ	04/08/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1864	19050297	Nguyễn Thị Thuận Vy	07/09/2000	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1865	19050298	Trần Thị Thanh Xuân	31/12/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-
1866	19050299	Lê Hải Yến	25/01/2001	QH-2019 KINH TE K64 CLC TT23	17500000	-	17,500,000	17,500,000	-

Danh sách gồm 1.866 sinh viên